TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 164 /TĐDMVN-THPC	*Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2021*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: **TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM**

Mã chứng khoán: **VGT**

Trụ sở chính: 25 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Trụ sở giao dịch: 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: + 84.24.38257700 - Fax: +84.24.38262269

Người được ủy quyền công bố thông tin: Tạ Hữu Doanh

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2020 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo đường link: www.vinatex.com.vn mục Quan hệ cổ đông vào ngày 20/4/2021.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TGĐ (để b/c);
- Lưu VT, THPC.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

Tạ Hữu Doanh

Tập Đoàn Dệt May Việt Nam
Digitally signed by Tập Đoàn Dệt May Việt Nam
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ NỘI, CN=Tập Đoàn Dệt May Việt Nam, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100100008
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2021-04-20 16:37:46

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Đổi mới quản trị
Phát huy trí tuệ
Sẻ chia, cầu thị
Đoàn kết nhất trí
Giá trị vững bền

VINATEX

www.vinatex.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Đổi mới quản trị
Phát huy trí tuệ
Sẻ chia, cầu thị
Đoàn kết nhất trí
Giá trị vững bền

VINATEX

MỤC LỤC

08 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

10 Thông tin chung

- Tổng quan về Tập đoàn
- Tầm nhìn - Sứ mệnh, Văn hóa doanh nghiệp, Khẩu hiệu - Biểu tượng
- Các sự kiện nổi bật
- Thông tin về tổ chức và nhân sự
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

28 Tình hình hoạt động năm 2020

- Báo cáo hoạt động và đánh giá của Hội đồng quản trị
- Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát
- Báo cáo hoạt động của Cơ quan điều hành

50 **Quan hệ với cổ đông - nhà đầu tư**

- Thông tin cổ phần
- Cơ cấu cổ đông
- Thông tin cổ đông lớn
- Quan hệ với cổ đông và nhà đầu tư

54 **Báo cáo phát triển bền vững**

- Chính sách liên quan đến người lao động
- Môi trường và năng lượng
- Hoạt động cộng đồng
- Quản trị rủi ro

64 **Báo cáo kiểm toán hợp nhất**

I.
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG ĐIỆP

CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý cổ đông,

Chúng ta vừa trải qua một năm sản xuất kinh doanh đặc biệt nhất trong lịch sử phát triển của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex) với tất cả những diễn biến khó khăn của thị trường và các vấn đề xã hội mà chúng ta chưa từng trải qua. Mọi kinh nghiệm và giải pháp trong quá khứ không còn phát huy tác dụng để giải quyết được vấn đề như trước. Chính trong bối cảnh mới diễn ra bất ngờ, cán bộ và người lao động Vinatex đã hết sức sáng tạo, nhanh nhạy, quyết liệt, đồng lòng trong triển khai các giải pháp mà nhờ đó Vinatex đã vượt qua mùa Covid-19 năm 2020. Đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu hàng may mặc toàn cầu giảm đến 20%, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận của Tập đoàn đều vượt kế hoạch, càng cho thấy nỗ lực và quyết tâm cao vượt qua một năm đầy thử thách, khó khăn của toàn thể cán bộ, lao động toàn Tập đoàn dưới sự chỉ đạo quyết liệt, sáng tạo, linh hoạt và hiệu quả của Hội đồng quản trị và Cơ quan điều hành.

Thành công lớn đạt được trong năm qua đó là bảo toàn được đội ngũ người lao động và an toàn tài chính trong doanh nghiệp cùng vị trí trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

TỰ CƯỜNG - SÁNG TẠO - ĐOÀN KẾT chính là chìa khoá giúp vượt khó thành công của năm 2020.

Bước sang năm 2021, nền kinh tế thế giới nói chung và nhu cầu dệt may nói riêng đã bước đầu có sự phục hồi trở lại cùng với việc triển khai tiêm vắc xin phòng Covid-19 rộng rãi tại nhiều quốc gia. Theo dự báo của nhiều tổ chức trong đó có Vinatex và McKinsey, 2021 - 2023 là giai đoạn phục hồi hậu Covid-19, với nhiều sự sắp xếp lại chuỗi cung ứng và phương thức vận hành, trong đó:

- Lợi thế cạnh tranh các doanh nghiệp truyền thống và lớn có nguy cơ bị xoá nhòa sau thời gian dừng vì dịch bệnh, các đối thủ sẽ bắt đầu ở cùng một vạch xuất phát mới;

- Khách hàng truyền thống bị thay thế, phá sản, thu hẹp quy mô, thị trường xuất hiện các nhãn hàng mới. Việc chỉ dựa trên khách hàng truyền thống sẽ không đảm bảo duy trì được thị phần của doanh nghiệp trên thị trường. Phát triển khách hàng mới sẽ là chìa khoá quyết định thành công;

- Cơ cấu tiêu thụ sản phẩm thay đổi làm ảnh hưởng đến tính cân bằng của năng lực sản xuất hiện có. Sẽ xuất hiện các khu vực thừa cung và cả những khu vực cần đầu tư mới hoặc chuyển đổi để đáp ứng thị trường;

- Phương thức hợp tác trực tiếp, giảm trung gian, đòi hỏi nâng cao cả năng lực nhân viên lẫn hệ thống hạ tầng quản lý, công nghệ thông tin ở cùng trình độ với các người mua hàng. Chuyển đổi số và áp dụng IoT là điều kiện cần ở các doanh nghiệp;

- Phương thức kinh doanh online tăng mạnh với hỗ trợ của công nghệ thử size từ xa và các ứng dụng trên điện thoại thông minh;

- Dòng vốn lưu động có sự sắp xếp lại với các yêu cầu mới, mà khả năng cao là làm tăng nhu cầu vốn với tỷ lệ sản xuất OEM tăng nhanh;

- Yêu cầu về môi trường, lao động tạo thêm áp lực chi phí cho doanh nghiệp trong thời gian đầu triển khai;

- Các quốc gia tranh thủ quá trình sắp xếp lại chuỗi cung ứng để tranh giành những thị phần mới một cách quyết liệt;

- Đơn giá hàng hoá giảm mạnh.

Như vậy có thể xác định, giai đoạn 2021 - 2023 sẽ là giai đoạn quyết định cho sự phục hồi, đổi mới năng lực cạnh tranh, vươn tới vị thế bền vững hơn cho doanh nghiệp, hoặc tụt hậu và bị bỏ rơi dần khỏi cuộc chơi. Trong đó, năm 2021 sẽ là năm xuất phát, mang tính then chốt, quyết định cả hướng đi và tốc độ của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị Vinatex đề ra 05 giải pháp trọng tâm, đó là:

- Nâng cao năng lực sản xuất theo mô hình OEM;

- Chuyển đổi số cho toàn bộ quá trình hoạt động của doanh nghiệp mà trước hết là quá trình quản trị sản xuất - tồn kho - logistic;

- Đáp ứng các yêu cầu mới về môi trường và lao động;

- Đào tạo, đào tạo lại đội ngũ nhân lực trong điều kiện mới;

- Đảm bảo an toàn tài chính để phát triển dài hạn.

Cùng với việc các hiệp định RCEP, EVFTA đi vào thực thi mang tính tích cực cho sản xuất kinh doanh năm 2021, các giải pháp nói trên sẽ phát huy hiệu quả giúp Tập đoàn lấy lại kết quả sụt giảm trong năm qua, tiếp đà tăng trưởng.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Cơ quan điều hành và toàn thể cán bộ, nhân viên đã nỗ lực, quyết tâm vượt qua thử thách năm 2020 vừa qua và xin cảm ơn sự hợp tác của các đối tác, khách hàng cùng sự đồng hành của quý cổ đông.

Với niềm tin vững chắc vào sức mạnh của văn hoá Vinatex, sức sáng tạo, tinh thần tự cường của toàn thể người lao động và cán bộ quản lý, tôi tin tưởng Vinatex sẽ thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đầy thách thức của năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lê Tiến Trường

II.
THÔNG TIN CHUNG

1. Tổng quan về Tập đoàn
2. Tầm nhìn - Sứ mệnh, Văn hóa doanh nghiệp, Khẩu hiệu - Biểu tượng
3. Các sự kiện nổi bật
4. Thông tin về tổ chức và nhân sự
5. Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

1. TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN

Tên tiếng Việt

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

Tên tiếng Anh

VIETNAM NATIONAL TEXTILE AND GARMENT GROUP

Tên giao dịch

VINATEX

Vốn điều lệ

5.000.000.000.000 VND
(Năm nghìn tỷ đồng)

Địa chỉ

VP HN: 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
VP HCM: 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại

(+84) 024. 3 825 7700

Fax

(+84) 024. 3 826 2269

Website

www.vinatex.com.vn

VINATEX TOWER
VINATEX

2. TẦM NHÌN - SỨ MỆNH, VĂN HÓA DOANH NGHIỆP, KHẨU HIỆU - BIỂU TƯỢNG

Tầm nhìn - Sứ mệnh

- Xây dựng giá trị và sự hài lòng cho khách hàng bằng cách phát triển Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành nhà sản xuất hàng dệt may hàng đầu thế giới, có khả năng cung cấp cho khách hàng các dịch vụ trọn gói trên toàn chuỗi cung ứng, thời trang, chất lượng cao và thân thiện với môi trường.

- Đạt hiệu quả sản xuất cao nhờ liên tục cải thiện chất lượng quản lý và chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ, chăm lo đời sống cho người lao động và có trách nhiệm với xã hội.

Văn hóa doanh nghiệp

- Hiểu công việc mình làm.

- Yêu nghề, nhiệt huyết, có thái độ tích cực đối với công việc.

- Không đổ lỗi, không né tránh trách nhiệm, sẵn sàng nhận lỗi khi có sai sót.

- Không ngừng học hỏi, biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp để hoàn thiện bản thân, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

- Luôn đổi mới sáng tạo, làm việc có kế hoạch, tìm kiếm các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tự hào về thành tích tập thể, đoàn kết hợp tác, đồng lòng vì mục tiêu chung, nhiệm vụ chung.

Khẩu hiệu

"Gấm vóc non sông,
Hào khí Lạc Hồng"

VINATEX

Biểu tượng

- Biểu tượng của VINATEX lấy ý tưởng tạo hình là những dải lụa mềm mại. Biểu tượng cũng là sự kết hợp của 2 chữ V (Việt Nam) và chữ T (Textile). Hình elip xanh dương tượng trưng cho trái đất, thể hiện cho định hướng vươn ra, hội nhập với thị trường thế giới của VINATEX. Hình elip bao quanh biểu tượng chữ "VT" còn thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.

- Dòng chữ "VINATEX" được thiết kế theo kiểu chữ Arial Black mạnh mẽ thể hiện cho thế đứng vững chắc của VINATEX trên thị trường.

- Biểu tượng sử dụng màu xanh dương đậm, thể hiện tính truyền thống, sang trọng mang lại cảm giác ổn định, đáng tin cậy của thương hiệu VINATEX.

3. CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT

Quá trình hình thành và phát triển của VINATEX gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển ngành dệt may Việt Nam. VINATEX luôn giữ vị trí nòng cốt, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của ngành.

T4 1995

Tổng Công ty Dệt May Việt Nam tiền thân của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Dệt Việt Nam và Liên hiệp Sản xuất - Xuất nhập khẩu May.

T6 2000

Tổng Công ty Dệt May Việt Nam vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng phần thưởng cao quý: Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2000 theo Quyết định số 222/KT-CTN ngày 08/6/2000.

T10 2005

Tổng Công ty Dệt May Việt Nam nhận Huân chương Hồ Chí Minh năm 2005 theo Quyết định số 1240/QĐ-CTN ngày 11/10/2005 của Chủ tịch nước.

T12 2005

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Tổng Công ty Dệt May Việt Nam và các đơn vị thành viên tại "Đề án thí điểm thành lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 314/2005/QĐ-TTg ngày 02/12/2005, cùng ngày Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng được thành lập theo Quyết định số 316/2005/QĐ-TTg.

T5 2010

Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự nhận Huân chương Sao vàng năm 2010 của Chủ tịch nước theo Quyết định số 546/QĐ-CTN ngày 05/5/2010.

T6 2010

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 về việc chuyển Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex) thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

T2 2013

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 8/2/2013 về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dệt May Việt Nam giai đoạn 2013-2015; Chính phủ ban hành Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 9/10/2013 về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

T1 2015

Tập đoàn Dệt May Việt Nam tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 08/01/2015 và được Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần vào ngày 29/01/2015.

T5 2014

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 06 tháng 05 năm 2014 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam; Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện thành công bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 22/9/2014.

T12 2015

Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng lao động theo Quyết định số 2688/QĐ-CTN ngày 02/12/2015 của Chủ tịch nước.

T1 2017

Cổ phiếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán VGT.

T5 2017

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được vinh danh trong Chương trình "Vinh quang Việt Nam năm 2017", là 1 trong 30 tổ chức tiêu biểu của cả nước trong 30 năm đổi mới nhờ thành tích đưa thương hiệu Việt Nam đến các thị trường trên thế giới.

T10 2018

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đánh giá là 1 trong 10 doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn thực hiện tốt công bố thông tin và minh bạch năm 2017 - 2018.

T10 2019

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành Đề tài cấp nhà nước "Nghiên cứu, đánh giá tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đối với ngành Dệt may Việt Nam nhằm đề xuất định hướng chiến lược, chính sách và các giải pháp phát triển trong giai đoạn 2019-2030".

T3 2020

Tập đoàn Dệt May Việt Nam là đơn vị tiên phong đưa ra thị trường loại khẩu trang vải kháng khuẩn, phục vụ đông đảo người dân Việt Nam phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả và góp phần vào việc đưa khẩu trang vải kháng khuẩn ra thị trường thế giới.

4. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

4.1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

BAN KIỂM SOÁT

KHỐI CƠ QUAN TRUYỀN THÔNG

1. Tạp chí Dệt May và Thời Trang Việt Nam
2. Website: www.vinatex.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO

1. Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
2. Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt - May Nam Định
3. Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vinatex TP. Hồ Chí Minh
4. Trung tâm Y tế - Bệnh viện Dệt May

KHỐI ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

1. CN TĐ DMVN - Nhà máy Sợi Phú Cường
2. CN TĐDMVN - Nhà máy Sợi Nam Định
3. CN TĐDMVN - Nhà máy May Quế Sơn
4. CN TĐDMVN - Trung tâm Thời trang Vinatex

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC
CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

CÁC BAN CHỨC NĂNG, THAM MƯU

KHỐI CÔNG TY TNHH MTV

1. Công ty TNHH Tổng Công ty DM Miền Bắc - Vinatex
2. Công ty TNHH Tổng Công ty DM Miền Nam - Vinatex
3. Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân
4. Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương

KHỐI ĐƠN VỊ CHI PHỐI (>50%)

1. Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ
2. Tổng Công ty CP Phong Phú
3. Công ty CP Dệt May Huế
4. Công ty CP Sợi Phú Bài
5. Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định
6. Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
7. Công ty TNHH SXKD Nguyên liệu Dệt May Việt Nam
8. Công ty CP Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối
9. Công ty CP Vinatex Phú Hưng

KHỐI ĐƠN VỊ LIÊN KẾT (<50%)

1. Tổng Công ty May 10 - CTCP
2. Tổng Công ty CP May Việt Tiến
3. Tổng Công ty Đức Giang - CTCP
4. Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP
5. Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP
6. Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP
7. Công ty CP May Hữu Nghị
8. Tổng Công ty May Đồng Nai - CTCP
9. Công ty CP May Bình Minh
10. Công ty CP May Nam Định
11. Công ty CP May Đáp Cầu
12. Công ty CP Vinatex Đà Nẵng

...

4.2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

4.2.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và/hoặc quyết định các công việc khi được ĐHĐCĐ giao. HĐQT hiện tại gồm 05 thành viên.

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại Tập đoàn
1	Lê Tiến Trường	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Trần Quang Nghị	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Đặng Vũ Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc
4	Vũ Hồng Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Lê Khắc Hiệp	Thành viên Hội đồng quản trị

ÔNG LÊ TIẾN TRƯỜNG — Chủ tịch HĐQT

Ông Lê Tiến Trường được bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Vinatex từ tháng 8/2020. Ông Lê Tiến Trường có hơn 20 năm làm việc trong ngành Dệt May Việt Nam và có gần 15 năm công tác tại Tập đoàn, từng giữ các chức vụ Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc Thường trực và đảm nhận vị trí Thành viên HĐTV/HĐQT - Tổng Giám đốc Vinatex từ tháng 7/2014 - 8/2020.

Ông Lê Tiến Trường tốt nghiệp Đại học Bách khoa ngành Cơ khí, Thạc sỹ Quản trị nhân lực, từng tu nghiệp sau đại học tại INSEAD (Pháp), Ashridge (Anh), AIT (Thái Lan), Havard (Mỹ), là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu, đặc biệt là về quản trị doanh nghiệp. Ông là người quản lý có tầm nhìn, tư duy chiến lược, khả năng nắm bắt, nhận định vấn đề và đưa ra các quyết định chỉ đạo sáng suốt trong quản lý và điều hành Tập đoàn.

ÔNG TRẦN QUANG NGHỊ — Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Quang Nghị được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ tháng 8/2020. Ông Trần Quang Nghị có hơn 35 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May, là một người trưởng thành từ thực tế, hiểu biết sâu sắc và toàn diện về ngành Dệt May. Trước khi tham gia quản lý, điều hành tại Tập đoàn, ông Trần Quang Nghị là Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú - một đơn vị hàng đầu của ngành Dệt May Việt Nam. Ông đã đảm nhiệm vị trí Tổng giám đốc Vinatex từ tháng 10/2010 - 6/2014 và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Vinatex từ tháng 1/2015 - 8/2020. Ông là nhà lãnh đạo, quản lý đầy nhiệt huyết, quyết liệt trong quản trị và điều hành, có nhiều đóng góp to lớn trong định hướng, chiến lược và mục tiêu phát triển của Tập đoàn.

ÔNG ĐẶNG VŨ HÙNG
TV HĐQT kiêm TGĐ

Ông Đặng Vũ Hùng được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Vinatex từ tháng 8/2020. Ông Đặng Vũ Hùng có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May, là người được đào tạo chuyên sâu về ngành Dệt May tại trường Đại học Ghent - Vương quốc Bỉ với học vị Tiến sỹ Công nghệ Dệt. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú, Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Dệt 8-3, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Quốc tế Phong Phú, Chủ tịch HĐTV công ty trách nhiệm hữu hạn Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex. Ông giữ vị trí Phó Tổng giám đốc Vinatex từ tháng 12/2013 - 8/2020, Thành viên HĐQT Vinatex từ tháng 1/2015 - nay.

ÔNG VŨ HỒNG TUẤN
Thành viên HĐQT

Ông Vũ Hồng Tuấn được bầu đảm nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng quản trị Vinatex từ tháng 8/2020. Ông Vũ Hồng Tuấn là Cử nhân tốt nghiệp trường Đại học Tài chính Kế toán, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, đã có hơn 30 năm công tác và đảm nhiệm các vị trí: Thanh tra viên chính - Bộ Tài Chính; Trưởng ban Quản lý rủi ro, Trưởng ban Pháp chế, Trưởng ban Tổ chức cán bộ của TCTy Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

ÔNG LÊ KHẮC HIỆP
Thành viên HĐQT

Ông Lê Khắc Hiệp hiện là Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Vingroup - CTCP. Ông tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Kharkov - Ucraina (Liên Xô cũ) với học vị Tiến sĩ vật lý. Ông gia nhập Vingroup năm 2004 và giữ nhiều vị trí quan trọng như Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vincom, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Vincom. Ông được bầu giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Vinatex từ tháng 1/2015 - nay.

4.2.2. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) được bầu bởi ĐHĐCĐ của Tập đoàn và hiện có 05 thành viên.

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại Tập đoàn
1	Trần Thị Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Đoàn Thị Thu Hương	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Lê Trà My	Thành viên Ban Kiểm soát
4	Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên Ban Kiểm soát
5	Đặng Thị Hồng Lê	Thành viên Ban Kiểm soát

BÀ TRẦN THỊ THU HẰNG
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng là Cử nhân Tài chính kế toán, đã có 25 năm kinh nghiệm trong công tác Tài chính Kế toán tại các doanh nghiệp Dệt May và giữ chức vụ Phó Trưởng Ban TCKT Tập đoàn Dệt May Việt Nam trước khi được bầu Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn.

BÀ ĐOÀN THỊ THU HƯƠNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Đoàn Thị Thu Hương là Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế, đã có 20 năm công tác, trong đó có 8 năm kinh nghiệm trong công tác Nguồn vốn và Pháp chế. Bà Đoàn Thị Thu Hương từng giữ chức vụ Giám đốc Nguồn vốn và Đầu tư - Công ty Tài chính Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam; Chuyên viên Ban Tổng hợp Pháp chế, Thư ký Tổng giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

BÀ NGUYỄN LÊ TRÀ MY
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Lê Trà My là Thạc sỹ Tài chính tín dụng và Lưu thông tiền tệ, đã có trên 15 năm công tác, trong đó 05 năm là Trưởng bộ phận phòng Phát triển khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng Quân đội. Bà Nguyễn Lê Trà My có hơn 10 năm công tác tại SCIC, hiện là Chuyên viên Ban Đầu tư 4 - SCIC và kiêm nhiệm các vị trí thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát tại một số doanh nghiệp thành viên của SCIC.

BÀ NGUYỄN THỊ THANH HÀ
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà hiện là Chuyên viên Ban Tài chính - Tập đoàn Vingroup - CTCP. Bà tốt nghiệp Cử nhân ngành Kế toán chuyên ngành Kiểm toán. Bà Nguyễn Thị Thanh Hà có gần 10 năm công tác tại các doanh nghiệp như: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH MTV VTC Công nghệ và nội dung số, Tập đoàn Vingroup - CTCP.

BÀ ĐẶNG THỊ HỒNG LÊ
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Hồng Lê là Cử nhân Luật Kinh tế, đã có 15 năm công tác và từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng ban Pháp chế, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Giám đốc điều hành, TV HĐQT CTy CP Dệt 19/5, CTy CP Len Hà Đông. Bà Đặng Thị Hồng Lê hiện đang là Thành viên HĐQT CTy Dệt 19/5 Hà Nội và Trưởng ban Pháp chế kiêm Giám đốc điều hành CTy CP Len Hà Đông.

4.2.3. CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

Cơ quan điều hành (CQĐH) thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt. CQĐH của Tập đoàn bao gồm 01 Tổng Giám đốc cùng với một số Phó Tổng Giám đốc, một số Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng.

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại Tập đoàn	Ghi chú
1	**Đặng Vũ Hùng**	TV. HĐQT - Tổng Giám đốc	
2	**Lê Trung Hải**	Phó Tổng Giám đốc	
3	**Phạm Nguyên Hạnh**	Phó Tổng Giám đốc	
4	**Phạm Văn Tân**	Phó Tổng Giám đốc	
5	**Lê Mạc Thuấn**	Phó Tổng Giám đốc	
6	**Cao Hữu Hiếu**	Phó Tổng Giám đốc	
7	**Nguyễn Đức Trị**	Phó Tổng Giám đốc	
8	**Phạm Xuân Trình**	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm từ 29/3/2021
9	**Nguyễn Ngọc Cách**	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ 10/2020

ÔNG ĐẶNG VŨ HÙNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Đặng Vũ Hùng được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Vinatex từ tháng 8/2020. Ông Đặng Vũ Hùng có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May, là người được đào tạo chuyên sâu về ngành Dệt May tại trường Đại học Ghent - Vương quốc Bỉ với học vị Tiến sỹ Công nghệ Dệt. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ Giám đốc Nhà máy Sợi OE - Công ty Dệt Phong Phú, Chủ tịch HĐTV Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Quốc tế Phong Phú, Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Dệt 8-3. Ông giữ vị trí Phó Tổng giám đốc Vinatex từ tháng 12/2013 - 8/2020, Thành viên HĐQT Vinatex từ tháng 1/2015 - nay.

ÔNG LÊ TRUNG HẢI

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Trung Hải là kỹ sư chuyên ngành dệt, kỹ sư hóa nhuộm, được trưởng thành từ thực tiễn quản lý và điều hành doanh nghiệp với gần 40 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Giám đốc Nhà máy Dệt - Công ty Dệt Phong Phú, Phó TGĐ Công ty Dệt Phong Phú, TGĐ Công ty Dệt Phước Long, Giám đốc điều hành Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

BÀ PHẠM NGUYÊN HẠNH

Phó Tổng Giám đốc

Bà Phạm Nguyên Hạnh là cử nhân tài chính, Thạc sỹ QTKD, có 30 năm công tác trong ngành Dệt May và từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Kế toán trưởng, GĐĐH, Phó TGĐ Công ty May Đức Giang, Trưởng Ban TCKT, Kế toán trưởng, Giám đốc điều hành Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

ÔNG PHẠM VĂN TÂN
Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Tân là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính với học vị Thạc sỹ tài chính và có hơn 20 năm gắn bó với ngành Dệt May. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó phòng Kế toán Công ty May Đức Giang; Phó Ban Tài chính Kế toán, Trưởng Ban Tài chính Kế toán, Giám đốc điều hành kiêm Kế toán trưởng Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

ÔNG CAO HỮU HIẾU
Phó Tổng Giám đốc

Ông Cao Hữu Hiếu là người được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực dệt may với học vị Thạc sỹ Công nghệ Dệt May với gần 20 năm công tác trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên như: Giám đốc Trung tâm xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối, Chủ tịch HĐQT Công ty CP May Nam Định, Phó Ban Kỹ thuật Đầu tư Tập đoàn, Trưởng Ban Kỹ thuật Đầu tư, Giám đốc điều hành Tập đoàn.

ÔNG LÊ MẠC THUẤN
Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Mạc Thuấn có trình độ chuyên môn là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh với hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như TGĐ Xí nghiệp May Sông Tiền, GĐĐH Công ty May Nhà Bè, Phó TGĐ Tổng công ty May Nhà Bè, Giám đốc điều hành Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

ÔNG NGUYỄN ĐỨC TRỊ
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Trị có trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh với 25 năm công tác trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn như Trưởng phòng KD Xuất nhập khẩu Chi nhánh Vinatex Đà Nẵng, Giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc, Chủ tịch HĐQT TCTy CP Dệt May Hòa Thọ, Giám đốc điều hành Tập đoàn.

ÔNG PHẠM XUÂN TRÌNH
Giám đốc điều hành

Ông Phạm Xuân Trình có trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh và có chuyên môn sâu về Sợi - Dệt với gần 35 năm công tác, gắn bó trong ngành Dệt may. Ông đã đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng tại doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn như: Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Phong Phú.

ÔNG NGUYỄN NGỌC CÁCH
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Ngọc Cách được bổ nhiệm Kế toán trưởng Tập đoàn từ tháng 10/2020, trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế và Kỹ thuật với hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán tại các doanh nghiệp dệt may. Ông từng đảm nhận nhiều chức vụ như: Kế toán trưởng Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội; Phó Ban Tài chính kế toán, Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn trước khi được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tập đoàn.

5. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

5.1. NGÀNH SỢI

• **Năng lực thiết kế:**

155.525 tấn/năm
(quy đổi Ne30)

• **Mặt hàng:**

Sợi pha TC, TR, CVC, sợi cotton, sợi cotton se, sợi polyester, bao gồm có chải thô và chải kỹ.

• **Thiết bị công nghệ:**

Sợi được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến có xuất xứ từ Châu Âu, Nhật, Trung Quốc... Thiết bị đã đầu tư trong các dự án hiện nay chủ yếu được cung cấp bởi các hãng chế tạo danh tiếng trên thế giới với tính tự động hóa cao, giúp cho việc kiểm soát chất lượng tốt hơn, tăng năng suất và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

5.2. NGÀNH VẢI

5.2.1 VẢI DỆT THOI

• **Năng lực thiết kế:**

170 triệu mét vuông/năm

• **Thiết bị công nghệ:**

- Máy dệt được nhập chủ yếu từ Nhật Bản, trong đó máy dệt khí chiếm tỉ trọng lớn (khoảng 80%). Máy dệt khí được đánh giá cao do tốc độ và hiệu suất máy cao (vận tốc trung bình 1000 vòng/phút), dễ thao tác, độ bền cao, phù hợp với điều kiện môi trường khí hậu tại Việt Nam.

- Máy mắc và máy hồ hiện nay nhập chủ yếu từ EU và Đài Loan, với trình độ công nghệ tiên tiến, giúp rút ngắn thời gian chuẩn bị dệt, tăng năng suất chất lượng sản phẩm.

- Máy nhuộm trong các dự án được nhập chủ yếu từ châu Âu và châu Á và được cung cấp bởi các hãng Thies - Đức, Fong's - Hongkong.

5.2.2 VẢI DỆT KIM

• **Năng lực thiết kế:**

22.225 tấn/năm

• **Thiết bị công nghệ:**

Dây chuyền sản xuất với công nghệ tiên tiến, được nhập chủ yếu từ châu Âu, Đài Loan, Nhật Bản... do các hãng chế tạo có uy tín cung cấp (Máy dệt kim: Mayer Cie - Đức, Terrot - Đức, Fukuhara - Nhật, Fukahama - Đài Loan, Junlong-Đài Loan; Máy nhuộm: Thies - Đức, Fong's - Hongkong).

5.3. NGÀNH MAY

• **Năng lực thiết kế:**

352 triệu sản phẩm/năm

• **Thiết bị công nghệ:**

Công nghệ thiết bị hiện đại, được nhập chủ yếu từ châu Âu, Nhật và Mỹ (Juki - Nhật, Brother - Nhật, Kansai - Nhật, Durkopp Adler - Đức, Gerber - Mỹ).

III.
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1. Báo cáo hoạt động và đánh giá của Hội đồng quản trị
2. Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát
3. Báo cáo hoạt động của Cơ quan điều hành

1. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

• Hội đồng quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoạt động theo khuôn khổ của pháp luật Việt Nam, luật doanh nghiệp, các luật chuyên ngành liên quan và Điều lệ Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Vinatex trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

• Về các thành viên Hội đồng quản trị:

- Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 18/8/2020, Hội đồng quản trị gồm 05 người thuộc nhiệm kỳ 2015-2020: ông Trần Quang Nghị - Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Lê Tiến Trường - Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn, ông Đặng Vũ Hùng - Ủy viên Hội đồng quản trị, ông Phạm Phú Cường - Ủy viên Hội đồng quản trị, ông Lê Khắc Hiệp - Ủy viên Hội đồng quản trị.

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 diễn ra vào ngày 18/8/2020 đã tiến hành bầu 05 thành viên HĐQT mới nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm các ông: Lê Tiến Trường, Trần Quang Nghị, Đặng Vũ Hùng, Lê Khắc Hiệp, Vũ Hồng Tuấn. Thông qua kết quả kiểm phiếu, HĐQT đã họp và thống nhất bầu ông Lê Tiến Trường giữ chức Chủ tịch HĐQT, ông Trần Quang Nghị giữ chức Phó Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm ông Đặng Vũ Hùng giữ chức Tổng Giám đốc Tập đoàn DMVN.

• Tập thể Hội đồng quản trị của Vinatex sở hữu chuyên môn, kỹ năng, năng lực, quan điểm đa dạng và phù hợp để đóng vai trò lãnh đạo và giám sát Tập đoàn hiệu quả.

• Tất cả thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý và các cuộc họp chuyên đề, đột xuất trực tuyến hoặc lấy ý kiến qua email với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tổ chức 10 cuộc họp toàn thể và 01 cuộc họp trực tuyến. Hội đồng quản trị đã ban hành 12 Nghị quyết và 01 Quyết định trong năm 2020.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Tiến Trường	11/11	100%	
2	Ông Trần Quang Nghị	11/11	100%	
3	Ông Đặng Vũ Hùng	11/11	100%	
4	Ông Lê Khắc Hiệp	11/11	100%	
5	Ông Phạm Phú Cường	7/7	100%	1
6	Ông Vũ Hồng Tuấn	4/4	100%	2

1 Các cuộc họp HĐQT sau ngày 18/8/2020 không thống kê do ông Phạm Phú Cường không còn là thành viên HĐQT từ ngày 18/8/2020.

2 Các cuộc họp HĐQT trước ngày 18/8/2020 không thống kê do ông Vũ Hồng Tuấn được bổ nhiệm là thành viên HĐQT từ ngày 18/8/2020.

1.2. THÀNH LẬP CÁC TIỂU BAN VÀ VĂN PHÒNG HĐQT TRỰC THUỘC HĐQT

Sau Đại hội đồng cổ đông năm 2020, Hội đồng quản trị Tập đoàn đã thành lập Văn phòng HĐQT là tiền đề để hình thành các Tiểu ban: Chiến lược và đầu tư, Nghiên cứu và phát triển, Kiểm toán nội bộ, Nhân sự và Văn phòng Hội đồng quản trị[3] có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT và các thành viên HĐQT trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT. Đứng đầu 3 trên 4 tiểu ban đều là Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT - thành viên không điều hành (trừ tiểu ban Nghiên cứu và phát triển do ông Đặng Vũ Hùng - TV HĐQT, Tổng Giám đốc là Trưởng tiểu ban).

3 Văn phòng HĐQT được thành lập ngày 28/9/2020 theo Quyết định số 157/QĐ-TĐDMVN

Văn phòng Hội đồng quản trị ngay sau khi thành lập đã ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và đã đi vào hoạt động. Văn phòng Hội đồng quản trị là cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT và các thành viên HĐQT về các nội dung sau:

- Tổng hợp, báo cáo, thư ký, văn thư lưu trữ;
- Tham mưu về lĩnh vực tài chính, đầu tư và công tác tổ chức cán bộ;
- Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc, Cơ quan điều hành và các vấn đề pháp lý liên quan.

Văn phòng HĐQT đã xây dựng nghiên cứu dự báo thị trường dệt may giai đoạn 2021-2023 từ cả phía cầu của các thị trường xuất khẩu chính và phía cung của các đối thủ cạnh tranh, góp phần tham mưu HĐQT ban hành Nghị quyết số 15/NQ-TĐDMVN ngày 01/12/2020 về định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và giai đoạn 2021-2023 - đây là giai đoạn phục hồi quan trọng sau năm 2020 bị tác động bất ngờ bởi dịch bệnh, qua đó định hướng Cơ quan điều hành giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các đơn vị thành viên trong Tập đoàn để đạt được mục tiêu chung đề ra cho năm 2021.

Hội đồng quản trị cũng đã thành lập chức năng kiểm toán nội bộ để có thể đảm bảo khách quan và tư vấn độc lập nhằm gia tăng giá trị và cải tiến hoạt động của công ty. Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Văn phòng Hội đồng quản trị là bộ phận giúp việc và trợ giúp cho Hội đồng quản trị Tập đoàn trong việc quản trị doanh nghiệp, hỗ trợ HĐQT và Cơ quan điều hành trong việc nâng cao các giá trị và cải thiện hoạt động của Tập đoàn thông qua cung cấp các khuyến nghị mang tính độc lập về hoạt động quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn.

Trong Quý IV năm 2020, Bộ phận kiểm toán nội bộ của Tập đoàn đã tiến hành kiểm toán nội bộ dựa trên đánh giá mức độ rủi ro trọng yếu bao gồm công nợ phải thu và tồn kho từ số liệu của các đơn vị.

1.3. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và Cơ quan Điều hành được thể hiện một cách chặt chẽ, định kỳ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với TGĐ và CQĐH được thể hiện như sau:

Tại các phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, Hội đồng quản trị đều yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Tập đoàn, các đơn vị trọng yếu trong Tập đoàn, khả năng đạt kế hoạch Tập đoàn giao, tình hình triển khai các dự án đầu tư, công tác đào tạo quản lý nguồn nhân lực, các vấn đề liên quan

đến hoạt động tài chính, nghiên cứu thị trường, nghiên cứu khoa học công nghệ, công tác kiểm soát nội bộ; đề xuất kế hoạch, giải pháp cho những quý tiếp theo.

HĐQT kết hợp chặt chẽ với BKS nắm rõ tình hình hoạt động của Tập đoàn, để từ đó có những kiến nghị thiết thực hỗ trợ TGĐ và CQĐH hoàn thành tốt các trách nhiệm được giao. HĐQT đưa ra các hướng dẫn chiến lược, nhận định tình hình thị trường và tình hình kinh tế tổng quan để hỗ trợ rà soát các kế hoạch kinh doanh cho cả năm và cho từng quý. HĐQT thường xuyên trao đổi với TGĐ và CQĐH nhằm giám sát việc triển khai kế hoạch và điều chỉnh khi cần thiết, giúp đạt được các mục tiêu chiến lược Vinatex đề ra.

Trong Hội đồng quản trị có thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, do vậy luôn đảm bảo sự giám sát của Hội đồng quản trị trong hoạt động điều hành.

Ngoài ra, sau Đại hội đồng cổ đông năm 2020, Văn phòng Hội đồng quản trị được thành lập trong đó có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành cũng giúp nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của HĐQT đối với Cơ quan điều hành.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng TGĐ và CQĐH đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, cũng như Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và các cổ đông. TGĐ và CQĐH đã nỗ lực hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ năm 2020 thông qua, thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị công ty cũng như vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.

1.4. TIỀN LƯƠNG VÀ THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

1.5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN NĂM 2020

Trong năm 2019, cuộc xung đột thương mại Mỹ - Trung đã tạo ra những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, đặc biệt đối với ngành Sợi. Sang năm 2020, nền kinh tế thế giới nói chung và thương mại dệt may toàn cầu nói riêng lại bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 khi chuỗi cung ứng bị gián đoạn, các biện pháp giãn cách xã hội, đóng cửa ở các quốc gia khiến nhu cầu may mặc sụt giảm.

Chính trong bối cảnh mới diễn ra bất ngờ, tập thể lãnh đạo, cán bộ và người lao động Vinatex đã hết sức sáng tạo, nhanh nhạy, quyết liệt, đồng lòng trong triển khai nhiệm vụ. Tập đoàn đã làm tốt việc vượt khó do Covid-19 gây ra, bảo toàn được đội ngũ, bảo toàn năng lực tài chính, 100% doanh nghiệp của Tập đoàn duy trì tài chính ổn định, đảm bảo hoạt động thông suốt, mặc dù kết quả tuy có giảm so với 2019 nhưng chỉ bằng chưa đến 50% mức suy giảm chúng ta dự kiến từ kết quả quý I/2020. Quan trọng hơn, các doanh nghiệp toàn Tập đoàn duy trì được vị thế tốt với các nhà mua hàng, trở thành một địa chỉ tin cậy hơn với chuỗi cung ứng.

Theo đó, kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất toàn Tập đoàn đạt:

- Doanh thu: 14.842,6 tỷ đồng, vượt kế hoạch 1,4%.

- Lợi nhuận: 593,4 tỷ đồng, vượt kế hoạch 55,5%.

- Doanh thu: **14.842,6** tỷ đồng
  vượt kế hoạch **1,4**%
- Lợi nhuận: **593,4** tỷ đồng
  vượt kế hoạch **55,5**%

1.6. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Năm 2021 được coi là năm bản lề, là năm xuất phát, mang tính then chốt, quyết định cả hướng đi và tốc độ của doanh nghiệp trong giai đoạn 2021- 2023 - Đây là giai đoạn quyết định cho sự phục hồi, đổi mới năng lực cạnh tranh, vươn tới vị thế bền vững hơn cho doanh nghiệp.

Bài học rút ra được từ năm 2020 cần được tiếp tục duy trì, phát huy gồm:

Một là, ra quyết định nhanh, chấp nhận rủi ro có cân nhắc. Tốc độ triển khai rất nhanh, nhờ đó mới tận dụng được cơ hội ngắn hạn của các mặt hàng không truyền thống.

Hai là, làm tốt công tác tuyên truyền nội bộ với người lao động nên nhận được sự ủng hộ cao trong việc san sẻ việc làm, tuyệt đối tuân thủ các quy định phòng dịch nên toàn hệ thống không có một xưởng sản xuất nào phải đóng cửa, cách ly. Đồng thời tuyên truyền vận động với khách hàng thông qua các hiệp hội ngành nghề quốc tế cũng đã đạt kết quả tích cực trong đảm bảo thanh toán, trách nhiệm với đơn hàng và vật tư đã chuẩn bị cho các đơn hàng đã ký kết, giảm áp lực khá lớn cho dòng tiền của doanh nghiệp.

Ba là, liên tục chủ động dự báo và đưa ra các kịch bản giải pháp, hạn chế bị động. Sáng tạo và quyết tâm cao trong tổ chức sản xuất, kỹ thuật khi phải tổ chức làm các mặt hàng mới, không phù hợp công nghệ đã giúp doanh nghiệp ổn định sản xuất, có doanh thu và hiệu quả với các đơn hàng lạ.Thực hiện chia sẻ đơn hàng, kỹ thuật giữa các đơn vị thành viên, tận dụng chuỗi cung ứng nội bộ với tỷ lệ cao trong thời gian chuỗi cung cấp gián đoạn. Năm 2021, mặc dù thách thức của đại dịch Covid-19 không còn là yếu tố bất ngờ như năm 2020 nhưng đại dịch cũng đã làm thay đổi xu hướng tiêu dùng, phương thức kinh doanh cùng với sự sắp xếp lại của chuỗi cung ứng đòi hỏi HĐQT có giải pháp thích ứng với những thay đổi trong điều kiện "bình thường mới", đó là:

- Nâng cao năng lực sản xuất theo mô hình OEM;

- Chuyển đổi số cho toàn bộ quá trình hoạt động của doanh nghiệp mà trước hết là quá trình quản trị sản xuất - tồn kho - logistic;

- Đáp ứng các yêu cầu mới về môi trường và lao động;

- Đào tạo, đào tạo lại đội ngũ nhân lực trong điều kiện mới;

- Đảm bảo an toàn tài chính để phát triển dài hạn.

2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

2.1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Thị Thu Hằng	Trưởng BKS/Chuyên trách	18/08/2020	
2	Đoàn Thị Thu Hương	TV BKS/Chuyên trách	18/08/2020	
3	Nguyễn Lê Trà My	TV BKS/Kiêm nhiệm	18/08/2020	
4	Đặng Thị Hồng Lê	TV BKS/Kiêm nhiệm	18/08/2020	
5	Nguyễn Thị Thanh Hà	TV BKS/Kiêm nhiệm	14/06/2016	
6	Nguyễn Thị Minh Hiền	Trưởng BKS/Chuyên trách	08/01/2015	18/08/2020
7	Nguyễn Thị Kim Dung	TV BKS/Chuyên trách	08/01/2015	18/08/2020
8	Phan Thanh Sơn	TV BKS/Chuyên trách	08/01/2015	18/08/2020
9	Lê Thị Ánh Ngọc	TV BKS/Kiêm nhiệm	08/01/2015	18/08/2020

2.2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT, CQĐH Tập đoàn, kiểm tra hoạt động SXKD của Công ty Mẹ Tập đoàn, các doanh nghiệp 100% vốn Tập đoàn, các chi nhánh của Tập đoàn và một số đơn vị Tập đoàn có vốn trên 50%. Quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát đảm bảo tính trung thực và cẩn trọng, đạo đức nghề nghiệp, không cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Ban kiểm soát đã tổ chức 06 cuộc họp, mỗi cuộc họp đều có đầy đủ các thành viên Ban kiểm soát tham dự, nội dung các cuộc họp là thông qua báo cáo tại ĐHĐCĐ năm 2020, báo cáo 9 tháng/2020, báo cáo kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chính sách lao động tiền lương của Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị 100% vốn, bầu Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025, thông qua Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025, lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020 của Tập đoàn.

2.2.1. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở các nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, HĐQT đã ban hành 12 Nghị quyết và 01 Quyết định với các nội dung nằm trong thẩm quyền của Hội đồng quản trị, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn. HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của CQĐH trong việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT qua các báo cáo thường kỳ, thường niên của CQĐH và các báo cáo trong các phiên họp HĐQT của Tổng Giám đốc Tập đoàn, các báo cáo hàng quý của Ban Kiểm soát Tập đoàn.

Trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế do chịu ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và dịch bệnh Covid-19, HĐQT Tập đoàn đã kịp thời đưa ra các giải pháp, định hướng phù hợp, chỉ đạo sát sao tới CQĐH và các đơn vị trong Tập đoàn, ổn định được sản xuất kinh doanh, đạt kế hoạch ĐHĐCĐ giao, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, duy trì việc làm, ổn định đời sống cho CBCNV, giữ được lực lượng lao động nòng cốt của ngành.

2.2.2. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

2.2.2.1. Kết quả kinh doanh:

Cơ quan điều hành Tập đoàn đã nghiêm túc thực hiện, triển khai các biện pháp theo chỉ đạo của HĐQT nhằm hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra, kết quả như sau:

Đơn vị : Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH20/KH20	TH20/KH19
I	**Công ty Mẹ**					
1	Doanh thu	1.395.981	1.327.790	1.445.774	108,89%	103,57%
2	Chi phí	1.103.591	1.197.360	1.299.572	108,54%	117,76%
3	Lợi nhuận trước thuế	292.390	130.430	146.202	112,09%	50,00%
II	**Số liệu hợp nhất**					
1	Doanh thu hợp nhất	20.139.831	146.406.000	14.842.614	101,38%	73,70%
2	Chi phí hợp nhất	19.373.542	14.259.000	14.249.219	99,93%	73,55%
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	766.289	381.600	593.395	155,50%	77,44%

Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh phức tạp, thị trường diễn biến khó lường, việc tổ chức sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong ngành dệt may là vô cùng khó khăn. Trong đó:

- Ngành sợi: do chịu tác động kép từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và dịch bệnh Covid 19: giá bán sợi giảm sâu, thị trường Trung Quốc thu hẹp nên doanh thu và lợi nhuận các đơn vị ngành sợi sụt giảm nghiêm trọng trong 9 tháng đầu năm. Tuy nhiên, do công tác quản trị ngành sợi tương đối tốt, đồng thời thị trường sợi có nhiều chuyển biến tích cực vào cuối năm nên kết quả SXKD quý 4 đã bù đắp phần nào cho 9 tháng đầu năm, tổng chung kết quả năm 2020 tốt hơn năm 2019.

- Ngành May: nguồn cung nguyên phụ liệu bị đứt, thị trường xuất khẩu gián đoạn, đơn hàng giảm mạnh, thậm chí nhiều đơn hàng bị huỷ, hoãn. Tuy nhiên, với sự nỗ lực, sáng tạo, quyết liệt trong việc tìm kiếm đơn hàng mới, triển khai sản xuất các mặt hàng phòng chống dịch, các đơn vị ngành May trong Tập đoàn đã đạt được kết quả tốt, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch của Tập đoàn năm 2020.

Kết quả chung của Tập đoàn năm 2020: Mặc dù sụt giảm so với năm 2019 nhưng vượt kế hoạch ĐHĐCĐ giao về cả doanh thu và lợi nhuận, cụ thể:

+ Công ty mẹ: doanh thu vượt 8,9%, lợi nhuận vượt 12% so với kế hoạch

+ Hợp nhất: doanh thu vượt 1,4%, lợi nhuận vượt 55.5% so với kế hoạch

2.2.2.2. Tình hình tài chính:

- Một số chỉ tiêu tài chính theo báo cáo tài chính riêng Công ty Mẹ Tập đoàn:

+ Tổng tài sản, nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2020 là 8.266 tỷ đồng, giảm 687 tỷ đồng tương đương 7,67% so với đầu năm do trong năm 2020, Tập đoàn đã rút tiền gửi ngân hàng nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và PTDN theo quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa làm giảm tổng tài sản và nguồn vốn số tiền 357 tỷ đồng. Ngoài ra, tổng tài sản giảm 330 tỷ đồng do giảm nợ phải thu, hàng tồn kho và khấu hao TSCĐ; nguồn vốn giảm 330 tỷ đồng bao gồm giảm 214 tỷ đồng nợ phải trả (chủ yếu là nợ vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng) và vốn chủ sở hữu giảm 116 tỷ đồng (do lợi nhuận năm 2020 giảm so với năm 2019).

+ Hiệu quả sử dụng vốn: Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu: 2,51% giảm 2,45% so với năm 2019.

+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu: 0,42.

+ Tình hình tài chính ổn định, khả năng thanh toán ở mức an toàn.

- Về công nợ:

+ Tổng nợ phải thu: Tổng nợ phải thu: 2.839 tỷ đồng, trong đó phải thu ngắn hạn là 1.208 tỷ đồng, phải thu dài hạn là 1.631 tỷ đồng (bao gồm khoản cho các công ty con vay lại từ nguồn vay ADB: 1.313 tỷ đồng).

+ Tổng nợ phải trả: 2.453 tỷ đồng, trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 513 tỷ đồng, nợ phải trả dài hạn là 1.940 tỷ đồng (bao gồm khoản vay từ ADB là 1.566 tỷ đồng).

2.2.2.3. Tình hình đầu tư:

- Dự án nhà máy sợi II Chi nhánh Sợi Nam Định: đang tạm dừng do thị trường sợi giảm sút bởi chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và dịch bệnh Covid-19.

- Dự án Đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng, căn hộ 39-41-43 Bến Chương Dương (Võ Văn Kiệt) vẫn đang tiếp tục triển khai ở giai đoạn đầu.

2.2.2.4. Thoái vốn:

Tập đoàn đang tiếp tục triển khai việc thoái nốt tại các đơn vị không hiệu quả theo kế hoạch thoái vốn đã được phê duyệt.

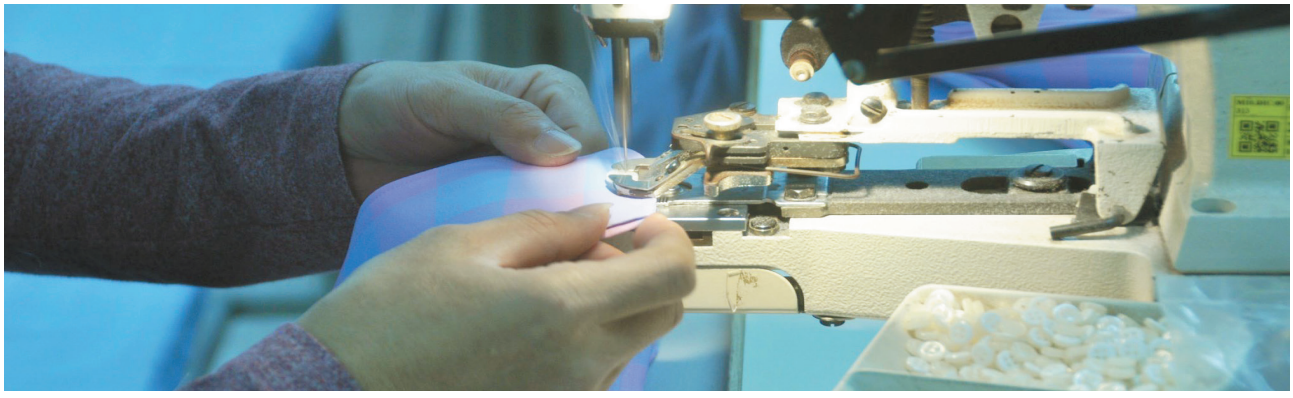

2.2.3. GIÁM SÁT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA CÔNG TY MẸ TẬP ĐOÀN

Kết quả kiểm tra không thay đổi so với Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán KPMG: Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31/12/2020; kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2.4. HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã chủ trì tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ kiểm soát viên và các cán bộ nguồn của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

2.3. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

- Đối với Hội đồng quản trị: hàng quý, năm Ban Kiểm soát đều gửi Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát đến Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Tập đoàn.

- Đối với Cơ quan điều hành: Ban Kiểm soát được Cơ quan điều hành cung cấp tài liệu và tạo điều kiện thực thi nhiệm vụ.

- Đối với các Cổ đông: trong năm 2020, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu từ phía Cổ đông.

2.4. KHUYẾN NGHỊ

- Đối với các khoản đầu tư nhiều năm không hiệu quả, Tập đoàn cần đánh giá lại để có phương án tái cơ cấu, giảm thiểu việc sử dụng vốn không hiệu quả hay mất vốn đầu tư.

- Cần đẩy mạnh việc thoái vốn tại các đơn vị có hiệu quả kinh tế thấp đã được duyệt kế hoạch thoái vốn.

- Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đã có nhiều thay đổi về phương thức SXKD, Tập đoàn cần nhanh chóng nắm bắt được xu hướng thị trường, tìm kiếm khách hàng mới, đề ra các giải pháp triển khai SXKD phù hợp với yêu cầu thị trường, tạo dựng được năng lực cạnh tranh, khẳng định vị thế của mình trong giai đoạn mới.

2.5. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2021

- Giám sát hoạt động của HĐQT, CQĐH Tập đoàn thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Giám sát kiểm tra theo quý, năm hoạt động của Công ty Mẹ Tập đoàn và các Công ty con.

- Thực hiện những công việc khác theo yêu cầu của HĐQT, của các cổ đông.

3. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

3.1. TỔNG QUAN VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Các xu hướng sẽ định hình sự phát triển trong thời gian tới

- Vấn đề về bảo hộ và toàn cầu hóa: Xu hướng Bảo hộ thương mại (thể hiện qua Brexit 2010 và chính sách "Nước Mỹ trên hết" của TT Mỹ D.Trump) đối lập Xu hướng toàn cầu hóa (các hiệp định thương mại đa phương) gây ra đứt gãy và sắp xếp, thay đổi chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Môi trường xanh và sạch: Dịch bệnh diện rộng và Biến đổi khí hậu dẫn đến sự thay đổi về nguồn nguyên liệu và hệ thống sản xuất trong tương lai xanh, sạch; Các qui định về môi trường yêu cầu hệ thống sản xuất phải đáp ứng; Nguồn nguyên vật liệu bền vững.

- Áp lực thay đổi từ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0: Cuộc CM công nghệ, gồm: Icloud, IoT, Machine Learning, AI và công nghệ sinh học ... đã thay đổi cách thức sản xuất, Covid-19 và chiến tranh thương mại là chất xúc tác đẩy nhanh quá trình đó.

Tác động của dịch bệnh Covid-19

Đại dịch như một cú đánh, tác động bổ sung vào tình trạng đã được cảnh báo của chuỗi cung ứng, đè bẹp nhu cầu người tiêu dùng của các hãng thời trang. Các doanh nghiệp thời trang mất khả năng thanh toán do không thanh toán được chi phí vốn và nợ đến hạn bởi lượng hàng tồn kho lớn. Một số hãng lớn như Brook Brothers, Debenhams, G-Star, J. Crew, JC Penney, Neiman Marcus, ... đã tuyên bố phá sản hoặc buộc phải giao lại cho bên thanh lý nợ. Hơn 70% người tiêu dùng Châu Âu và Hoa Kỳ dự kiến sẽ cắt giảm chi tiêu cho trang phục, ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp. Nhu cầu nhập khẩu của các thị trường lớn giảm mạnh so với 2019: Mỹ giảm 20%, EU giảm 9%, Nhật Bản giảm 3,7%, Hàn Quốc giảm 7%, ...

Thị trường dệt may

- Đối với ngành Sợi - Vải: Sợi là mặt hàng bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Khi dịch bệnh bùng phát từ đầu năm 2020, giá các loại sợi liên tục giảm và duy trì ở mức thấp. Trong quý II/2020 và quý III/2020, một số đơn vị phải giảm năng lực sản xuất, sợi tồn kho cao. Quý IV/2020, thị trường đã ấm hơn, giá sợi có xu hướng phục hồi, nhu cầu sợi bắt đầu tăng trở lại. Sợi, vải tồn kho tại các nhà máy thấp giúp các đơn vị cải thiện được hiệu quả kinh doanh.

- Đối với ngành May: Năm 2020 là 1 năm khủng hoảng với tình trạng hủy đơn hàng, đặc biệt trong quý I & II/2020. Cùng với tình trạng hủy đơn hàng là tình trạng giãn đơn hàng, với các đơn hàng giao trong tháng 3 đều bị lùi xuống tháng 4, tháng 5. Nhiều doanh nghiệp đã chuyển sang may khẩu trang trong nỗ lực duy trì được việc làm cho công nhân, hạn chế tổn thất do dịch bệnh, đến đầu quí IV/2020, mặt hàng khẩu trang đã bão hòa.

- Xu thế chuyển dịch phương thức đặt hàng: Khoảng 60% các đơn hàng sẽ được chuyển dịch từ phương thức CMT, FOB sang OEM. Doanh nghiệp cung ứng phải đảm bảo các khâu trong chuỗi giá trị: PHÁT TRIỂN MẪU - CHUẨN BỊ MẪU - MUA NGUYÊN LIỆU - SẢN XUẤT - VẬN CHUYỂN. Các doanh nghiệp cần nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện năng lực để đáp ứng sự dịch chuyển nếu không muốn đứng ngoài cuộc chơi.

3.2. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020

Trong bối cảnh có nhiều sự biến đổi, các doanh nghiệp trong Tập đoàn đã phát huy được truyền thống đoàn kết, sáng tạo, tương trợ lẫn nhau để cùng vượt qua khó khăn. Toàn Tập đoàn Dệt May Việt Nam vẫn ổn định lực lượng lao động, đảm bảo hệ thống sản xuất không bị biến động trong và sau dịch. Các doanh nghiệp vẫn an toàn về mặt tài chính, đảm bảo khả năng thanh khoản của hệ thống.

3.2.1 Kết quả SXKD

Hợp nhất:

- Doanh thu hợp nhất đạt 14.842,6 tỷ đồng, đạt 101,4% kế hoạch,; lợi nhuận đạt 593,4 tỷ đồng, tăng 55,5% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2019	TH 2020		%TH/KH	SS 20/19
		KH ĐHCĐ	TH		
Doanh thu	20.139.831	14.640.600	14.842.614	101,4%	73,7%
Lợi nhuận trước thuế	766.289	381.600	593.395	155,5%	77,4%
Tỷ suất LNTT/CSH	9,66%		7,35%		76,1%

Công ty Mẹ:

- Doanh thu năm 2020 đạt 1.445,8 tỷ đồng, tăng 8,9% so với kế hoạch, tăng 3,6% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do có thêm doanh thu khẩu trang ngoài kế hoạch nhờ nắm bắt cơ hội thị trường thời vụ.

- Lợi nhuận năm 2020 đạt 146,2 tỷ đồng, tăng 12,1% so với kế hoạch. Nguyên nhân do bên cạnh những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, nguồn thu nhập của các công ty, Tập đoàn cũng có những chỉ đạo liên quan đến việc trích quỹ lương, nguồn dự phòng và giảm chia cổ tức để phục hồi năng lực cho doanh nghiệp hậu Covid-19.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2019	TH 2020		%TH/KH	SS 20/19
		KH ĐHCĐ	TH		
Doanh thu	1.395.982	1.327.800	1.445.774	108,9%	103,6%
Lợi nhuận trước thuế	292.389	130.400	146.202	112,1%	50,0%
Lợi nhuận sau thuế	292.389		146.202		50,0%
Tỷ suất LNTT/CSH	5,8%		2,9%		

3.2.2. Tình hình tài chính

TÊN CHỈ SỐ	Năm 2019	Năm 2020	SS 20/19
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
1. Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,28	1,29	100,7%
2. Hệ số thanh toán nhanh	0,78	0,86	109,8%
CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG			
1. Hiệu suất sử dụng tài sản	0,96	0,77	80,6%
2. Ngày tồn kho bình quân	89 ngày	88 ngày	99,1%
3. Ngày thu tiền bình quân	71 ngày	84 ngày	118,1%
4. Ngày trả tiền bình quân	266 ngày	311 ngày	117,1%
5. Vòng quay Vốn lưu động	1,89	1,67	88,5%
KHẢ NĂNG TỰ CHỦ TÀI CHÍNH			
1. Hệ số tổng nợ phải trả / Tổng tài sản	0,60	0,55	92,1%
2. Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	1,50	1,24	82,3%
3. Khả năng tài trợ vốn dài hạn	2.026,40	1.627,77	80,3%
KHẢ NĂNG SINH LỜI			
6. Tỷ lệ lãi sau thuế (ROA)	3,44%	2,96%	86,2%
7. Tỷ lệ lãi ròng (ROE)	9,04%	7,03%	77,8%
PHÂN TÍCH CỔ PHIẾU			
EPS	1.434	1.121	78,2%
BVPS	15.623	15.907	101,8%

Ghi chú: Số liệu theo Báo cáo Hợp nhất

3.2.3. Hoạt động tái cơ cấu

Trong năm 2020, Vinatex đã triển khai tái cấu trúc hệ thống sản xuất kinh doanh và quản trị theo hướng hình thành các khối kinh doanh theo ngành nghề hoạt động theo mô hình các Ban kinh doanh, chuyên môn hóa theo lĩnh vực nhằm tăng mức độ liên kết trong toàn hệ thống, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu được sắp xếp lại sau khủng hoảng.

Hoạt động SXKD của Công ty Mẹ Tập đoàn được quản trị theo các khối: Khối kinh doanh Dệt May: Ban SXKD Sợi, Ban SXKD vải, Ban SXKD May, Ban SXKD Khăn và Gia dụng, Ban SXKD Nội địa; Khối khai thác tài sản và Khối Đầu tư Tài chính chiến lược.

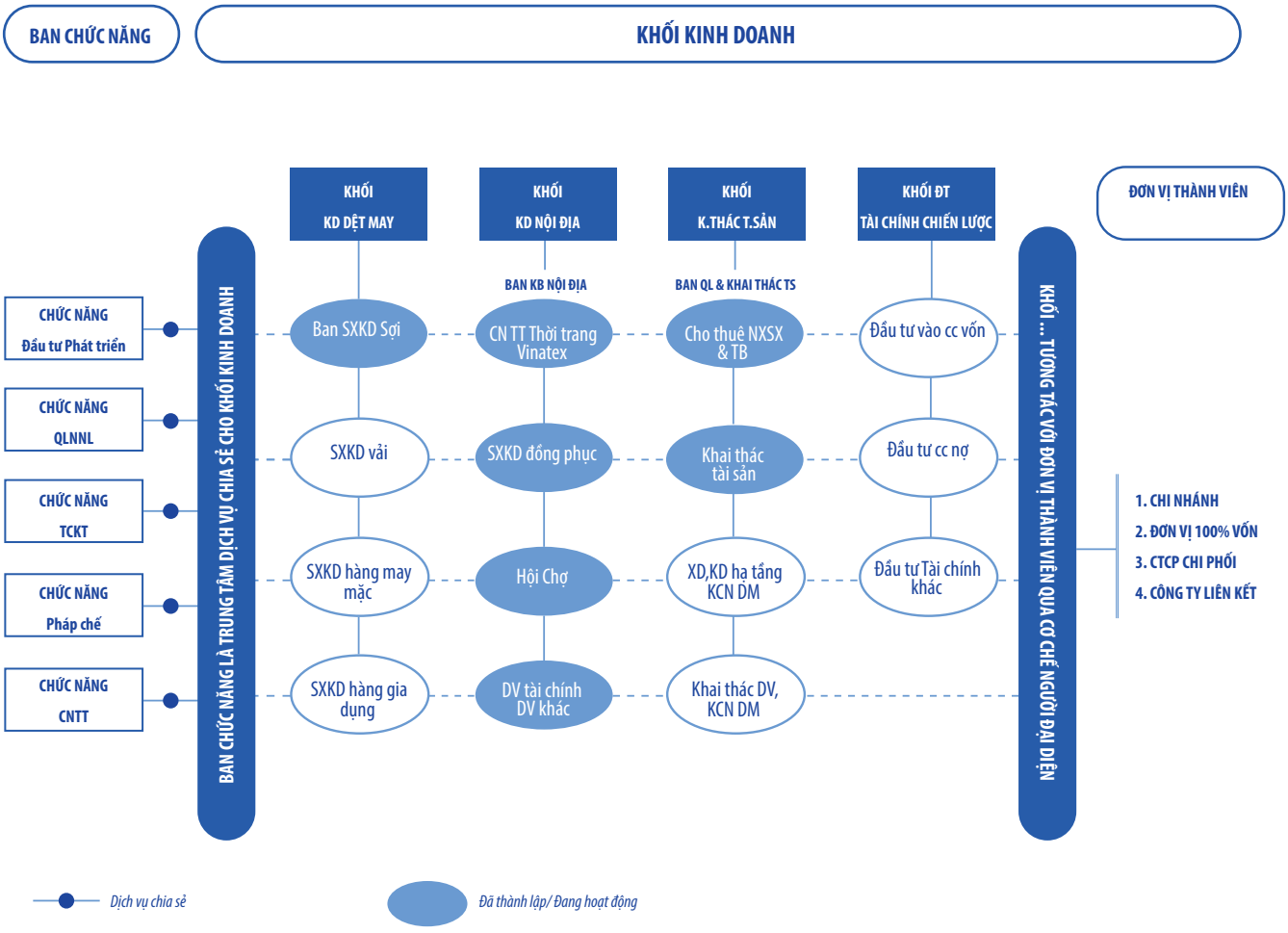

Các Ban SXKD dệt may là các Ban mềm, được tập hợp gồm các chuyên gia trong từng lĩnh vực chuyên ngành thuộc Tập đoàn, quản lý chuyên biệt hoạt động SXKD Sợi - Vải - May - Khăn và Gia dụng trong toàn hệ thống nhằm tận dụng sức mạnh và lợi thế của từng thành viên để tương tác và hỗ trợ lẫn nhau về thị trường, công nghệ, sản xuất và bán hàng.

Khối Khai thác tài sản: tìm kiếm phương án và nâng cao hiệu quả khai thác tài sản của Tập đoàn, phát triển khu công nghiệp chuyên biệt cho ngành Dệt May.

Khối Kinh doanh tài chính chiến lược: Triển khai việc quản trị các khoản đầu tư tại các đơn vị liên kết. Thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh Tài chính để gia tăng giá trị cho các đơn vị thành viên dựa trên nền tảng của các khối sản xuất để tạo hiệu quả.

3.2.4. Các hoạt động khác

3.2.4.1 VỀ ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ

Tập đoàn và các đơn vị thành viên tạm dừng triển khai dự án đầu tư mới để tập trung nguồn lực, kể cả các nguồn tích lũy để dự phòng cho những biến động khó lường với mục tiêu duy trì hoạt động sản xuất, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Từ tháng 8/2020, khi tình hình dịch có dấu hiệu được kiểm soát, vắc-xin Covid-19 có nhiều tín hiệu tích cực, công tác đầu tư chiều sâu và mở rộng đã được Tập đoàn và các đơn vị thành viên lựa chọn triển khai với mục tiêu nhằm đón đầu thị trường sau khi đại dịch được kiểm soát.

Ưu tiên đầu tư thiết bị có khả năng thích ứng với nhiều chủng loại mặt hàng, linh hoạt trong việc dịch chuyển sản xuất, đảm bảo sản xuất không bị gián đoạn do thiếu thiết bị. Định hướng lại công tác đầu tư theo hướng tự động hoá, thân thiện và không làm ảnh hưởng môi trường, tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng sạch, tái tạo.

3.2.4.2 VỀ QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC VÀ LAO ĐỘNG

3.2.4.2.1 Về lao động, tiền lương - thu nhập

Lao động bình quân ước TH 2020 là 70.711 người, bằng 93,2% so với 2019, đạt 95,7% so với KH 2020; Thu nhập bình quân ước TH 2020 là 8,05 triệu đồng/người/tháng, bằng 96,2% so với 2019, đạt 98,3% so với kế hoạch 2020. Mặc dù gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 và thiên tai, bão lũ ở nhiều nơi nhưng với với quyết tâm của Tập đoàn là ổn định lao động, đảm bảo việc làm, tăng cường phòng dịch, nên biến động giảm lao động toàn Tập năm 2020 tương đương với năm 2019 và các năm trước, tuy nhiên số lao động được tuyển mới bổ sung có sự chênh lệch lớn so với cùng kỳ (chỉ bằng 76%).

Thu nhập bình quân ước cả năm 2020 giảm nhẹ do nhiều doanh nghiệp đã sử dụng quỹ tiền lương dự phòng từ các năm trước để duy trì việc chi trả thu nhập cho người lao động và áp dụng nhiều giải pháp để giữ ổn định lực lượng lao động, ổn định đời sống thu nhập cho người lao động như nhận các đơn hàng giá rẻ; chuyển đổi nhanh kết cấu mặt hàng; áp dụng chế độ làm việc linh hoạt, giảm giờ làm, giãn ca, làm việc luân phiên, ...

3.2.4.2.2 Công tác tổ chức, cán bộ

- Về tổ chức: Trong năm 2020 Tập đoàn đã thực hiện cơ cấu, sắp xếp tổ chức một số Ban chức năng cho phù hợp với giai đoạn mới:

● Thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị - cơ quan giúp việc Hội đồng quản trị;

● Kiện toàn Cơ quan Kiểm tra - Thanh tra và Ban Tuyên giáo - Đoàn thể sau Đại hội Đảng bộ Tập đoàn NK 2020-2025;

● Thành lập các Ban kinh doanh (Ban SXKD Sợi, Ban SXKD Vải và Ban KD Nội địa) là các Ban mềm, với sự tham gia của lãnh đạo các doanh nghiệp thuộc từng ngành kinh doanh, các chuyên gia trong ngành, nhằm giúp Tổng Giám đốc triển khai công tác SXKD theo nhóm ngành trong phạm vi Công ty Mẹ và các đơn vị chi phối.

- Về công tác cán bộ:

● Đại hội cổ đông nhiệm kỳ mới 2020-2025 đã bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới. Theo đó, HĐQT gồm 05 thành viên (03 thành viên đại diện vốn nhà nước, 02 thành viên đại diện các nhóm cổ đông khác). Cơ cấu HĐQT gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 02 TV HĐQT. Ban Kiểm soát gồm 05 thành viên (01 Trưởng ban và 04 Kiểm soát viên).

● Hội đồng quản trị cũng kiện toàn cơ quan điều hành Tập đoàn gồm 07 thành viên (Tổng giám đốc và 06 Phó Tổng giám đốc).

3.2.4.2.3 Công tác tuyển sinh, đào tạo:

- Tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ với tổng số lượt học viên xấp xỉ 100 người.

- Thúc đẩy các chương trình bồi dưỡng, tuyển dụng và cử đào tạo sinh viên đang theo học và mới ra trường của các trường do Tập đoàn quản lý nhằm tạo nguồn nhân lực cho Tập đoàn trong giai đoạn tới.

- Phối hợp với trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội tìm kiếm và tuyển mộ một số sinh viên có kiến thức, tư duy và tiềm năng phát triển để tuyển dụng và bồi dưỡng nhằm tạo nguồn nhân lực cho Tập đoàn trong giai đoạn tới.

3.2.4.3 VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

- Với sự phát triển của Công nghệ thông tin và sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ trong năm vừa qua tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 về việc Phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", Tập đoàn cho rằng chuyển đổi số không chỉ là giải pháp quản trị mà còn là một chiến lược, cần thay đổi cách nghĩ, cách làm, cách tiếp cận đối với khách hàng, trong đó tài sản của doanh nghiệp không còn ở trong doanh nghiệp mà nằm cả ngoài doanh nghiệp, thông tin không còn chỉ là các dữ liệu có cấu trúc, mà còn là các dữ liệu phi cấu trúc như hình ảnh... các doanh nghiệp dệt may cần chắt lọc để có được thông tin cần thiết cho hoạt động SXKD.

- Sau đại dịch Covid-19, Tập đoàn đang định vị lại chiến lược hoạt động đối với toàn hệ thống trên nguyên tắc hệ sản xuất với qui mô đảm bảo linh hoạt, hệ điều hành đảm bảo tính kết nối với hệ thống khách hàng và nhà cung cấp, ...

QUA 1 NĂM KHỦNG HOẢNG, VINATEX XÁC ĐỊNH ĐƯỢC NHỮNG BÀI HỌC CẦN THIẾT ĐỂ TỒN TẠI, TÁI CƠ CẤU VÀ PHÁT TRIỂN TRONG THỜI GIAN TỚI:

1. Chủ động dự báo và đưa ra nhiều kịch bản để đối phó.

2. Sáng tạo trong tổ chức sản xuất & Tận dụng tối đa chuỗi cung ứng nội bộ.

3. Xây dựng môi trường tài chính ổn định nhằm tương tác hỗ trợ trong lúc khó khăn

4. Ra quyết định nhanh, chấp nhận rủi ro có cân nhắc.

5. Làm tốt công tác truyền thông nội bộ & Tuân thủ tuyệt đối quy tắc phòng dịch.

6. Tích cực đàm phán và vận động người mua hàng.

3.3. KẾ HOẠCH NĂM 2021

3.3.1. Bối cảnh chung

3.3.1.1 KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ NGÀNH DỆT MAY

- Kinh tế thế giới năm 2021 chịu ảnh hưởng của một số yếu tố, bao gồm:

- Quan hệ kinh tế quốc tế được dự báo sẽ tiếp tục có những biến động và diễn biến khó lường. Xung đột thương mại giữa các nền kinh tế lớn sẽ dẫn đến nhu cầu dịch chuyển địa điểm sản xuất để tránh mức thuế cao. Đây vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với Việt Nam.

- Dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp, khó lường (đặc biệt là sự xuất hiện của các biến chủng mới), luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát trở lại. Việc triển khai các vắc-xin đang vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với cả quốc gia, các hãng lớn và các bên liên quan. Các quốc gia hiện nay đang thận trọng triển khai biện pháp ứng phó với dịch bệnh và Việt Nam cũng sẽ bị tác động.

- Các quốc gia, các tổ chức quốc tế đang triển khai các gói hỗ trợ kinh tế lớn cũng như các chính sách ứng phó với dịch bệnh, với suy giảm kinh tế. Việc này có thể đạt được những thành công và triển vọng nhưng cũng có thể gây ra những rủi ro không nhỏ đối với thị trường tài chính thế giới và tình trạng nợ toàn cầu. Việt Nam cũng sẽ chịu ảnh hưởng của các gói hỗ trợ này.

- Xu hướng giảm đầu tư nước ngoài do dịch bệnh ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thương mại, đình trệ đầu tư, tạo tâm lý e ngại, trì hoãn mở rộng đầu tư của nhiều doanh nghiệp nước ngoài. Nhu cầu tiêu dùng trong nước phục hồi chậm và hoạt động xuất khẩu giảm tiếp tục tạo nhiều thách thức cho hoạt động doanh nghiệp trong nước. Việt Nam là một trong những nước chịu sự tác động này.

- Theo báo cáo của World Bank, dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ đạt mức 4% trong năm 2021 trong bối cảnh các quốc gia trên thế giới bắt đầu triển khai tiêm đại trà vắc xin ngừa Covid-19.

- Dự báo tổng cầu dệt may thế giới 2021: Căn cứ dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu và nhu cầu nhập khẩu dệt may của 5 thị trường xuất khẩu lớn nhất của Dệt May Việt Nam gồm Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, dự báo tổng cầu dệt may thế giới năm 2021 sẽ có sự hồi phục, ước đạt 700 tỷ USD, tăng 10% so với 2020, bằng 95% kết quả 2019. Theo đó, ngành Sợi sẽ có sự phục hồi mạnh mẽ từ đáy năm 2020, tuy nhiên sẽ tạo áp lực cho ngành Vải do giá Sợi có xu hướng tăng.

- Dự báo kim ngạch xuất khẩu của ngành Dệt May Việt Nam năm 2021: Căn cứ dự báo tổng cầu dệt may thế giới cũng như tình hình kinh tế chung, nếu việc tiêm vắc-xin diễn ra hiệu quả với sự kiểm soát tốt về dịch, dự báo xuất khẩu Dệt May Việt Nam năm 2021 sẽ đạt khoảng 40 tỷ USD, tăng khoảng 14% so với kim ngạch xuất khẩu năm 2020. Tuy nhiên, nếu tình hình kiểm soát dịch bệnh gặp khó khăn, triển khai vắc-xin bị trì hoãn, xuất khẩu Dệt May Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực, có thể chỉ tăng trưởng dưới 10%, đạt khoảng 38,6 tỷ USD.

3.3.1.2 CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

CƠ HỘI

- Do chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc, mặc dù tổng cầu dệt may toàn thế giới giảm, nhưng Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu dệt may vào Mỹ lớn nhất thế giới. Thị phần của hàng Dệt May tại thị trường Mỹ được dự báo sẽ tăng lên do nhiều nhãn hàng sẽ chuyển sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam.

- Hiệp định thương mại tự do EVFTA có hiệu lực từ tháng 8 năm 2020 dự báo làm tăng xuất khẩu giày 50% và dệt may 67% vào năm 2025 (theo MPI) và các hiệp định đã có hiệu lực khác: CTTPP, RCEP, UKVFTA.

THÁCH THỨC

- Tác động gián tiếp của xung đột thương mại Mỹ - Trung tạo ra các rủi ro hàng dệt may Việt Nam có thể bị áp thuế nhập khẩu bổ sung vào Mỹ khi kim ngạch xuất khẩu hàng Việt Nam tăng đột biến hoặc rủi ro bị áp thuế do Mỹ cáo buộc Việt Nam thao túng tiền tệ theo Mục 301 của Đạo luật thương mại Mỹ. Khi đó, Việt Nam sẽ phải điều chỉnh chính sách điều hành tỷ giá, mà điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của các doanh nghiệp.

- Từ các yếu tố bên ngoài: nguồn cung lớn đè bẹp nhu cầu sản phẩm dệt may trên thế giới. Các quốc gia sản xuất dệt may lớn như Ấn Độ tạo sức ép cạnh tranh xuất khẩu.

- Các thách thức về các vấn đề phát triển bền vững như môi trường, lao động, ...

- Hành vi người tiêu dùng thay đổi và sự tác động của môi trường công nghệ làm thay đổi cách thức cung ứng hàng dệt may từ các hãng thời trang đến nhà sản xuất.

3.3.2. Mục tiêu

- Ngành Sợi:

- Doanh thu tăng: **15 - 18** % so với 2020
- Lợi nhuận tối thiểu đạt: **2** % doanh thu

- Ngành May:

- Doanh thu tăng tối thiểu: **10** % so với 2020
- Lợi nhuận đảm bảo chia cổ tức: **10-20** % vốn điều lệ

Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2021	SS 21/20
Doanh thu	14.842.614	17.365.000	117,0%
Chi Phí	14.249.219	16.665.000	117,0%
Lợi nhuận	593.395	700.000	118,0%

Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2021	SS 21/20
Doanh thu	1.445.774	1.522.800	105,3%
Chi Phí	1.299.572	1.322.025	101,7%
Lợi nhuận	146.202	200.775	137,3%

3.3.3. Giải pháp

3.3.3.1. CÁC GIẢI PHÁP LỚN

- Hoàn thiện cơ chế để đẩy mạnh hoạt động của các Ban mềm. Xây dựng giải pháp thực thi theo chiến lược chuỗi cung ứng SXKD.

- Đẩy mạnh triển khai công tác số hóa trong quản trị tại Công ty Mẹ và các đơn vị chi phối, trong đó tập trung triển khai số hóa các quy trình cốt lõi.

- Chuẩn bị nguồn nhân lực và tài chính để triển khai các nhiệm vụ trọng tâm.

- Triển khai tái cấu trúc, trong đó có việc tăng và giảm vốn nhà nước tại Vinatex, tái cấu trúc các đơn vị thành viên.

3.3.3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

3.3.3.2.1 Về khách hàng và thị trường

- Đối với ngành Sợi

● Thiết lập nhóm trao đổi thông tin thị trường giá cả nguyên liệu Bông - Xơ - Sợi, diễn biến thị trường, cập nhật các báo cáo thị trường có liên quan chia sẻ đến các thành viên trong nhóm công tác. Thông tin kịp thời giữa các thành viên để tránh bán hàng chồng chéo, cạnh tranh lẫn nhau và bị khách hàng o ép giá.

● Định hướng hạn mức tồn kho tối ưu phù hợp với tình hình sản xuất của từng nhà máy.

● Chia sẻ các đơn hàng, khách hàng giữa các đơn vị trong trường hợp các mặt hàng/khách hàng không phù hợp với đơn vị mình, nhằm hướng khách hàng sử dụng sợi trong hệ thống Vinatex.

● Tổng hợp, đánh giá và phân tích lượng khách hàng sẵn có của toàn hệ thống. Khảo sát và tổng hợp nhu cầu của thị trường cả xuất khẩu và nội địa, sau đó định hướng các dòng sản phẩm cho từng đơn vị dựa trên cấp chất lượng mà đơn vị đó đạt được.

● Tìm kiếm khai thác các mặt hàng mới như sợi Recycled yarn, BCI, Organic, ... để nâng dần giá trị cho các sản phẩm sợi trong hệ thống Vinatex.

- Đối với ngành Vải

● Quy hoạch phát triển ngành Vải của Tập đoàn trong đó: Dệt kim phía Nam tại Dệt kim Đông Phương; dệt kim phía Bắc tại Dệt kim Đông Xuân; dệt thoi tại Nam Định.

● Tổ chức sắp xếp lại MMTB để chuyên môn hóa mặt hàng, nâng cao chất lượng hiệu suất thiết bị, tiết giảm chi phí.

- Đối với ngành May

● Đổi mới hệ thống quản lý, hệ thống sản xuất, kinh doanh: trở thành nhà cung ứng đạt tiêu chuẩn; xây dựng các trung tâm xúc tiến bán hàng, marketing làm cầu nối giữa các trung tâm phát triển sản phẩm; Sản phẩm mẫu mã, chất lượng tốt, giao hàng đúng hẹn và giá cả hợp lý nhất.

● Khai thác thị trường nội địa vẫn còn dư địa tăng. Nâng cấp mảng kinh doanh bán lẻ thời trang của Tập đoàn dựa trên thương hiệu Vinatex cũng như thương hiệu của các đơn vị thành viên đã khẳng định được vị thế nhất định trên thị trường tiêu dùng nội địa. Đẩy mạnh mảng kinh doanh đồng phục.

3.3.3.2.2 Về khai thác tài sản

- Hợp tác để nâng cao hiệu quả khai thác tài sản của các đơn vị thành viên.

- Đưa vào khai thác tài sản tại 39-41-43 Bến Chương Dương, TP. HCM.

- Có giải pháp để phát triển KCN Dệt May nhằm thu hút đầu tư nước ngoài.

3.3.3.2.2 Về đầu tư và công nghệ

- Đổi mới công nghệ: Hướng tới công nghệ xanh, sạch và tăng tỷ lệ tự động hóa.

- Phát triển đồng bộ về công nghệ và kỹ thuật cho ngành Dệt Nhuộm, nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng nguồn vải cho chuỗi May trong hệ thống nhằm tận dụng các lợi thế của các hiệp địnhViệt Nam đã ký kết.

- Chú trọng đầu tư cho công nghiệp phụ trợ tạo nên hệ sinh thái phát triển dệt may bền vững.

- Đánh giá tổng thể năng lực máy móc thiết bị của Công ty Mẹ và các doanh nghiệp chi phối làm cơ sở lập kế hoạch đầu tư tổng thể và chi tiết. Phát triển chức năng tư vấn cho các doanh nghiệp về công nghệ và máy móc thiết bị.

- Phối hợp với các doanh nghiệp mạnh trong và ngoài Tập đoàn; các Trường, Viện nghiên cứu xây dựng Bộ chỉ tiêu đánh giá trình độ công nghệ và hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị theo ngành Sợi - Vải - May - Khăn.

3.3.3.2.4 Về nguồn nhân lực

- Tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực cấp cao theo định hướng của HĐQT.

- Xác định nhu cầu cụ thể về đào tạo của Công ty Mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên để tổ chức các khóa học phù hợp về quản trị SXKD, quản trị tài chính, ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Tập đoàn và của doanh nghiệp. Tổ chức các hội thảo chuyên đề cập nhật và phổ biến kiến thức đến các doanh nghiệp Dệt May.

- Chỉ đạo công tác tuyển sinh, đào tạo của các Trường để đảm bảo thực hiện tốt chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021, đảm bảo nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu tuyển dụng lao động bổ sung, thay thế tại các đơn vị trong Tập đoàn và các dự án mới.

- Tiếp tục kiến nghị với các Bộ, Ngành và Chính phủ để xác định trách nhiệm quản lý của Tập đoàn đối với các đơn vị sự nghiệp theo yêu cầu thực tiễn.

- Cập nhật thường xuyên và nghiên cứu các chế độ chính sách mới của Nhà nước về lao động, tiền lương, chính sách đối với người lao động để tham mưu với Lãnh đạo Tập đoàn và tư vấn cho doanh nghiệp vận dụng linh hoạt, có hiệu quả vào thực tiễn hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

3.3.3.2.5. Về tài chính và tái cơ cấu

- Tiếp tục rà soát, đẩy mạnh công tác tái cấu trúc các doanh nghiệp trong Tập đoàn. Tái cấu trúc lại hệ thống sản xuất đối với các đơn vị chi phối theo hướng chuyên môn hóa để có sức mạnh tập trung, tận dụng các thế mạnh của từng doanh nghiệp để thực hiện SXKD.

- Tiếp tục thoái vốn tại các đơn vị không nằm trong chiến lược phát triển của Tập đoàn.

- Tập trung phát triển các lĩnh vực còn dư địa tăng, khai thác tối đa các nguồn lực ngoài ngành Dệt May để bù đắp kết quả cho các doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn.

- Thu xếp nguồn vốn: Tiếp tục bám sát, xem xét và hỗ trợ các doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính, tạo điều kiện cho đơn vị có đủ nguồn vốn duy trì và phát triển hoạt động.

IV.
QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG - NHÀ ĐẦU TƯ

1. Thông tin cổ phần
2. Cơ cấu cổ đông
3. Thông tin cổ đông lớn
4. Quan hệ với cổ đông và nhà đầu tư

Thông tin chi tiết về cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tính theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2020 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp như sau:

1. THÔNG TIN CỔ PHẦN

Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành	500.000.000 cổ phần
Tổng số cổ phần đăng ký giao dịch	500.000.000 cổ phần
Cổ phần chuyển nhượng tự do	450.000.000 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	50.000.000 cổ phần

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TT	**Tên cổ đông**	**Số lượng cổ đông**	**Số cổ phần sở hữu**	Tỷ lệ sở hữu
1	Nhà nước (Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH)	1	267.438.100	53,49%
2	Tổ chức	10	125.628.203	*25,13%*
2.1	*Trong nước*	*8*	*60.628.103*	*12,13%*
2.2	*Nước ngoài*	*2*	*65.000.100*	*13,00%*
3	Cá nhân	2.384	106.933.697	21,38%
3.1	*Trong nước*	*2.355*	*106.764.557*	*21,35%*
3.2	*Nước ngoài*	*29*	*169.140*	*0,03%*
	Tổng	**2.395**	**500.000.000**	**100,00%**

3. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG LỚN

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH	1	267.438.100	53,49%
2	Itochu Textile Prominent (ASIA) Limited	1	65.000.000	13,00%
3	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	1	50.000.000	10,00%
4	Cá nhân	1	30.000.000	6,00%
5	**Tổng cộng**	**4**	**412.438.100**	**82,49%**

4. QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Tập đoàn luôn duy trì việc giải đáp thắc mắc, cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư, chuyên gia phân tích và các bên liên quan để bảo đảm tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng, tương tác thường xuyên với cổ đông thông qua các sự kiện như Đại hội đồng cổ đông thường niên, gặp gỡ nhà đầu tư...

Các thông tin được công bố cho cổ đông và nhà đầu tư một cách minh bạch, kịp thời, chính xác theo đúng quy định của pháp luật và quy chế công bố thông tin đã ban hành. Các tài liệu có thể được xem và tải tại website www.vinatex.com.vn mục Quan hệ cổ đông.

Bộ phận Quan hệ cổ đông của Tập đoàn sẽ tiếp tục phát huy các hoạt động của mình trong tương lai, cố gắng phản hồi một cách nhanh chóng những yêu cầu của cổ đông và nhà đầu tư. Quý vị cổ đông, nhà đầu tư có thể liên lạc với chúng tôi qua địa chỉ email: qhcd@vinatex.com.vn.

V.
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Chính sách liên quan đến người lao động
2. Môi trường và năng lượng
3. Hoạt động cộng đồng
4. Quản trị rủi ro

1. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

1.1. ĐẢM BẢO VIỆC LÀM ỔN ĐỊNH, ĐẢM BẢO TIỀN LƯƠNG - THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG ĐIỀU KIỆN KHÓ KHĂN DO DỊCH BỆNH COVID-19

Số lượng lao động:

70.711 người

Thu nhập bình quân:

8.05 triệu đồng/người/tháng

Trong tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều doanh nghiệp bị ngưng trệ đơn hàng nhưng Tập đoàn đã quán triệt toàn hệ thống tập trung toàn lực, ưu tiên ổn định lao động, đảm bảo việc làm, tăng cường phòng dịch để không gián đoạn hoạt động và tạo đà phục hồi nhanh sau đại dịch. Thiết lập kênh tương tác thường trực giữa Tập đoàn và các đơn vị thành viên để phản ứng nhanh với diễn biến thị trường, điều phối năng lực sản xuất giữa các đơn vị và kịp thời xử lý điểm nghẽn, cũng như chia sẻ cách làm hay, giải pháp tốt, chia sẻ kỹ thuật giữa các đơn vị trong Tập đoàn. Nhờ đó đã đảm bảo ổn định lực lượng lao động, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động trong tình hình khó khăn do dịch bệnh.

Tổng số lao động bình quân toàn Tập đoàn là **70.711** người. Nếu tính cả các công ty con của doanh nghiệp thành viên thì tổng số lao động trong toàn hệ thống Tập đoàn là **155.000** người.

Tổng số lao động bình quân năm 2020 bằng **93,2%** so với năm 2019 và bằng **95,7%** so với kế hoạch năm 2020. Mức giảm lao động **6,8%** năm 2020 là mức giảm tự nhiên, tương đương với 2019 và các năm trước. Tuy nhiên, số lao động được tuyển mới ít hơn năm 2019 (số tuyển mới là **9.671** người, bằng **76%** so với 2019) do thời gian giãn cách xã hội, các doanh nghiệp dừng tuyển dụng lao động.

Thu nhập bình quân toàn Tập đoàn năm 2020 là **8,05** triệu đồng/người/tháng, giảm **4,5%** so với 2019, mức giảm không đáng kể do nhiều doanh nghiệp đã sử dụng quỹ tiền lương dự phòng từ các năm trước để ổn định thu nhập, chăm lo đời sống cho người lao động.

Do ảnh hưởng dịch bệnh, các doanh nghiệp phải giảm giờ làm, cho người lao động nghỉ luân phiên, nhiều DN không tăng ca, làm thêm giờ như năm trước nên tổng số giờ công lao động năm 2020 giảm **10%**, thu nhập bình quân tính theo giờ công vẫn tăng **8,5%**.

1.2. ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG, QUAN TÂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ngoài việc tạo công ăn, việc làm, đảm bảo tiền lương, thu nhập cho người lao động, Tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên luôn quan tâm đến công tác đảm bảo an toàn lao động và chăm lo sức khỏe cho người lao động. Người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị làm việc, bảo hộ lao động theo yêu cầu của mỗi vị trí, được huấn luyện về công tác an toàn lao động, kỹ thuật vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Các đơn vị sử dụng nhiều lao động đều có phòng Y tế tư vấn sức khỏe, sơ cấp cứu kịp thời. Tập đoàn có Trung tâm Y tế quản lý toàn bộ hệ thống Y tế tại các đơn vị thành viên và Bệnh viện Dệt May phục vụ công tác chăm sóc y tế, khám sức khỏe định kỳ, phát hiện sớm bệnh lý, nhất là những bệnh lý liên quan đến nghề nghiệp để kịp thời điều trị cho người lao động. Các trường hợp ốm đau đều được thăm hỏi, động viên kịp thời và được trợ cấp ốm đau từ quỹ Công đoàn và doanh nghiệp.

1.3. DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

Ngoài việc chấp hành tốt pháp luật lao động, thực hiện tốt chính sách Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước, Tập đoàn và các đơn vị còn có nhiều chính sách phúc lợi tự nguyện, phúc lợi bổ sung cho người lao động như phụ cấp điện thoại, xăng xe, tổ chức xe đưa đón, ăn trưa, có nhà ở cho người lao động, ... Hầu hết nhà máy của các đơn vị thuộc Tập đoàn đều tổ chức xây dựng nhà ăn và tự tổ chức nấu ăn phục vụ ăn ca, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Một số đơn vị thành viên của Tập đoàn đã tổ chức xây dựng các khu nhà ở cho cán bộ công nhân viên chưa có nhà ở thuê với giá rẻ hoặc hỗ trợ bằng tiền để các cán bộ nhân viên tự thuê nhà; tổ chức nhà giữ trẻ cho người lao động yên tâm công tác; tổ chức tặng quà cho các cháu thiếu nhi - con CBCNV nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi, Tết Trung thu, đồng thời tuyên dương các cháu có thành tích cao trong học tập.

Để đảm bảo an toàn về sức khỏe cho người lao động trong tình hình dịch bệnh, năm 2020 Tập đoàn và các đơn vị không tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát, du lịch nhưng vẫn thực hiện chi chế độ thăm quan, nghỉ mát bằng tiền cho người lao động, thực hiện tốt thỏa ước lao động tập thể.

Nhiều doanh nghiệp thành viên trong Tập đoàn nhờ cải tiến công tác quản trị, tiết kiệm được chi phí nên có nguồn để cải thiện chính sách phúc lợi cho người lao động như tổ chức bữa ăn sáng miễn phí tại doanh nghiệp, khai thác nguồn rau an toàn để bán cho người lao động, triển khai mô hình trồng rau sạch cung cấp cho bữa ăn giữa ca và đưa vào siêu thị bán cho người lao động với giá chỉ bằng 50% so với giá thị trường. Việc áp dụng các chính sách phúc lợi tự nguyện của doanh nghiệp đã góp phần đảm bảo sức khỏe, nâng cao năng suất lao động tại doanh nghiệp.

1.4. CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Người lao động là nguồn lực, là yếu tố quyết định sự phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy, Tập đoàn và các đơn vị thành viên rất quan tâm đến chính sách đào tạo, xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi, lao động lành nghề, khuyến khích và tài trợ cho người lao động tham dự các khóa đào tạo phù hợp với kế hoạch phát triển sự nghiệp của mỗi cá nhân, tạo cơ hội cho người lao động trải nghiệm các công việc khác nhau để đào tạo thực tế.

Người lao động vào làm việc tại các vị trí sản xuất được học nghề, tập nghề sau khi tuyển dụng và sắp xếp công việc, được huấn luyện, đào tạo về an toàn lao động.

Năm 2020, tuy ảnh hưởng của dịch bệnh nhưng Tập đoàn vẫn thu xếp để tổ chức 02 chương trình đào tạo nội bộ với gần 100 lượt người. Trong đó, Tập đoàn đã tổ chức và cấp chứng chỉ cho 50 học viên tham gia lớp đào tạo Nghiệp vụ kiểm soát viên. Khóa học Nghiệp vụ Kiểm soát viên đem lại hiệu quả thiết thực cho hoạt động kiểm soát của Tập đoàn cũng như doanh nghiệp, đồng thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Các trường đào tạo thuộc Tập đoàn hiện đang đào tạo hơn 17.000 học sinh - sinh viên, mỗi năm cung cấp cho các doanh nghiệp thành viên và thị trường gần 10.000 lao động. Năm 2020 là năm tốt nghiệp khóa đại học đầu tiên của trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội, đã cung ứng cho các doanh nghiệp trong ngành và thị trường trên 400 Cử nhân hệ đại học.

Với những chính sách quan tâm đến an toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cùng các chính sách phúc lợi của Tập đoàn và các đơn vị đã tạo nguồn động viên, hỗ trợ cả về vật chất lẫn tinh thần để CBCNV-NLĐ hăng say lao động, an tâm gắn bó lâu dài cùng sự phát triển của doanh nghiệp

2. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG & NĂNG LƯỢNG NĂM 2020

Các ngành sản xuất chính của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Sợi, Dệt, Nhuộm, May mặc và Phân phối sản phẩm, chất thải từ các hoạt động này bao gồm nước thải, khí thải và chất thải rắn.

Tại các đơn vị sản xuất Dệt - Nhuộm chất thải gồm cả nước thải, khí thải và chất thải rắn. Những chất thải này đều được thu gom và xử lý theo đúng quy định của pháp luật nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động và môi trường xung quanh.

Đối với các Doanh nghiệp Sợi và May, nguồn thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt và chất thải rắn. Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý theo đúng quy định trước khi xả vào môi trường. Chất thải rắn là bông nhồi, bông phế, vải vụn được thu gom và tái sử dụng cho các mục đích như trồng nấm, vật liệu nhồi.

Ngoài ra, Tập đoàn còn có một Bệnh viện với các nguồn thải là nước thải y tế và chất thải rắn (thông thường và chất thải nguy hại). Toàn bộ các chất thải này được thu gom và xử lý theo đúng quy định. Hệ thống XLNT của Bệnh viện hoạt động ổn định, chất lượng nước thải đầu ra đạt yêu cầu trước khi xả thải ra môi trường.

Trong năm 2020, dưới tác động của nhiều yếu tố bất lợi như: dịch bệnh Covid-19, thiên tai, lũ lụt và tiếp tục chịu ảnh hưởng của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã khiến cho tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong Tập đoàn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên hoạt động bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng của các đơn vị thành viên vẫn được thực hiện nghiêm túc, từng bước đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn.

2.1. CÔNG TÁC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA TẬP ĐOÀN

Hiện nay, 100% các đơn vị sản xuất thuộc Tập đoàn đều có bộ phận phụ trách về các vấn đề môi trường. Tuy nhiên chỉ có một số đơn vị có cán bộ chuyên trách, còn lại hầu hết là các cán bộ kỹ thuật của nhà máy phân xưởng đang kiêm nhiệm công tác bảo vệ môi trường.

Các bảng dưới đây là những số liệu liên quan đến hoạt động Bảo vệ môi trường và Tiết kiệm năng lượng của các đơn vị thành viên Tập đoàn nắm giữ trên 51% vốn.

2.2. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Lượng điện SD năm 2020 (KWH)		Năng lượng sử dụng năm 2020		So với năm 2019 (%)	Thực hiện kiểm toán năng lượng
Điện KWH	Qui đổi (TOE)	NL tiêu thụ trực tiếp	NL tiêu thụ gián tiếp		
442.841.476	68.330	13.288	35.348	Giảm 27%	3 năm/lần

Các đơn vị sử dụng điện từ 1000TOE trở lên đều thực hiện kiểm toán năng lượng theo đúng quy định.

Thực hiện chủ trương tiết kiệm năng lượng và tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo của Lãnh đạo Tập đoàn, năm 2020 các đơn vị trong Tập đoàn "sản xuất" được khoảng 11Mb điện "sạch" từ năng lượng mặt trời (điện mặt trời áp mái) phục vụ sản xuất và hòa lưới, có thể kể đến 1,7Mb của Sợi Phú Cường; 259kwp tại Triệu Phong + 830kwp tại Đà Nẵng của Hòa Thọ; 3Mb tại Nghi Lộc và Nam Đàn của Hanosimex; 2Mb của Đông Phương; 2Mb của Phú Bài; 1Mb của Việt Tiến.

2.3. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NƯỚC CẤP VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI NĂM 2020

Nước cấp

Lượng nước tiêu thụ năm 2020 (m3/năm)			So với năm 2019 (%)		Nguồn nước sử dụng	Giá Bình quân (vnđ/m3)
Nước sản xuất	Nước sinh hoạt	Tổng lượng nước SD	Nước sản xuất	Nước sinh hoạt		
1.024.579	411.683	1.436.262	Giảm 12%	Giảm 7,9%	Chủ yếu là mua	13.367

Nước thải

Lượng nước thải năm 2020 (m3/năm)			So với năm 2019 %	Công nghệ xử lý nước thải	Chi phí xử lý bình quân (vnđ/m3)	Tỷ lệ tái sử dụng nước thải (%)
Nước sản xuất	Nước sinh hoạt	Tổng lượng nước thải xử lý				
633.987	384.284	1.018.271	Giảm 7.6%	Chủ yếu sử dụng hóa lý + vi sinh	11.300	Không

2.4. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Chất thải thông thường và chất thải nguy hại

Chất thải thông thường (tấn/năm)		So với năm 2019 % Số lượng	Chất thải nguy hại (tấn/năm)		So với năm 2019 (%) Số lượng
Số lượng (tấn/năm)	Chi phí XL (triệu đồng)		Số lượng (tấn/năm)	Chi phí XL (triệu đồng)	
156.981	1.439	Giảm 20%	8.248	12.145	Giảm 6%

3. HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Đã thành truyền thống yêu thương, đùm bọc, sẻ chia và đoàn kết, trong những năm qua lãnh đạo Tập đoàn, lãnh đạo các đơn vị thành viên và người lao động của Tập đoàn luôn ý thức và trách nhiệm cao trong tổ chức, vận động và tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội từ thiện, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo an sinh xã hội.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang tạo công ăn việc làm ổn định cho gần 80.000 lao động trên phạm vi cả nước. Tập đoàn và các đơn vị thành viên cũng xây dựng hàng loạt các chính sách liên quan đến tiền lương, thưởng, phúc lợi hợp lý để đảm bảo cuộc sống cho người lao động cũng như thu hút thêm nguồn nhân lực mới.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam và Công đoàn Dệt May Việt Nam kêu gọi toàn thể Lãnh đạo, cán bộ nhân viên dành tấm lòng, tình cảm bằng hành động thiết thực, ủng hộ ít nhất 01 ngày lương hoặc 01 ngày công lao động cho Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa"

Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội đối với cộng đồng:

Từ năm 2015 đến nay, hàng năm, Tập đoàn và các đơn vị trong Tập đoàn đều ủng hộ "Quỹ Vì người nghèo" hàng trăm triệu đồng nhằm hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững.

Ủng hộ "Quỹ Vì người nghèo" hàng trăm triệu đồng

Ủng hộ Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" Trung ương nhân dịp kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7

Thực hiện chương trình từ thiện "Áo ấm cho trẻ vùng cao" mang áo ấm đến cho các em nhỏ tại các Trường Dân tộc Nội trú, Bán trú của huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

Tài trợ chương trình xây dựng nhà nhân ái cho gia đình chính sách tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình theo chương trình hoạt động của Đoàn Khối DNTW

Ủng hộ các chương trình vì Hoàng Sa, Trường Sa, quỹ vì người nghèo, quỹ từ thiện sách nói cho người mù, hỗ trợ trung tâm nuôi trẻ mồ côi, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, hỗ trợ xây nhà tình thương cho công nhân;

Phối hợp với Bệnh viện Việt Đức thực hiện chuỗi chương trình "Những giọt máu hồng"

Phối hợp với Bệnh viện Chợ Rẫy Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức chương trình từ thiện "Hạnh phúc là sẻ chia" tại xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Đoàn đã trao tặng 200 suất quà cho các gia đình chính sách, bà con và người lao động có hoàn cảnh khó khăn và tổ chức khám, phát thuốc miễn phí cho người dân nghèo, bệnh tật, không có điều kiện đi kiểm tra sức khỏe

Đặc biệt trong năm 2020, khi đại dịch Covid-19 lan tới Việt Nam, Tập đoàn đã tiên phong trong việc sản xuất khẩu trang vải kháng khuẩn, góp phần quan trọng vào việc chống dịch thành công của Việt Nam, được Thủ tướng khen ngợi. Tập đoàn cũng đã trao tặng các bệnh viện, cộng đồng dân cư, người lao động trong khu vực dễ tổn thương do đại dịch gần chục triệu khẩu trang vải kháng khuẩn.

Hàng năm Tập đoàn tổ chức Hội chợ Tết sum vầy. Trong năm 2020, chương trình này đã được tổ chức thành chuỗi sự kiện Tết Sum vầy tại cả ba miền Bắc-Trung-Nam, tạo sức lan tỏa, tinh thần và ý nghĩa rộng rãi. Chương trình đã thu hút được 185 gian hàng ưu đãi, 06 chương trình văn hóa văn nghệ, 10 chuyến xe nghĩa tình đưa NLĐ về quê đón tết; 1.382 cá nhân được Tập đoàn và Công đoàn DMVN tặng quà với tổng số tiền là 852.5 triệu đồng (trong đó có: 734 NLĐ có hoàn cảnh khó khăn, 380 NLĐ mắc bệnh hiểm nghèo, 120 NLĐ đơn thân nuôi con 1 mình, 140 công nhân khuyết tật, 10 nạn nhân chất độc da cam, 8 trẻ mồ côi). Các Hội chợ thu hút trên 30.000 người tham gia và mua sắm, giá trị hưởng lợi cho NLĐ ước tính gần 09 tỷ đồng.

Thực hiện chương trình 30a của Chính phủ, Tập đoàn được phân công giúp đỡ huyện nghèo Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Lãnh đạo Tập đoàn rất chú trọng nâng cao chính sách phúc lợi cho người lao động, đồng thời dành nguồn kinh phí phù hợp để ưu tiên xây dựng các thiết chế cơ bản, gắn với nhu cầu thiết thân của người lao động, để người lao động yên tâm công tác và thêm gắn kết với doanh nghiệp. Tính đến nay, đa phần đơn vị trong tập đoàn đều có các thiết chế về hội trường, nhà ăn, tủ sách... để phục vụ cán bộ công nhân viên. Nhiều đơn vị đã bố trí nhà ở cho công nhân, duy trì nhà trẻ mẫu giáo, hỗ trợ tiền nhà trọ, tiền gửi trẻ, tổ chức tham quan, nghỉ mát trong và ngoài nước, xây dựng chung cư mini để bán và cho thuê với giá ưu đãi cho CBCNV, xây dựng sân bóng đá mini nhằm đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao trong toàn đơn vị; tổ chức ăn sáng miễn phí cho công nhân; mở siêu thị giá rẻ phục vụ công nhân, tổ chức trồng rau sạch phục vụ bữa ăn ca và bán giá ưu đãi cho người lao động, duy trì quỹ học bổng dành cho con em công nhân nghèo có thành tích tốt trong học tập; hỗ trợ người lao động vay vốn để giải quyết khó khăn trong gia đình như chữa bệnh, sửa chữa nhà cửa, tổ chức những đợt bán hàng giảm giá tới 30-40% các sản phẩm may mặc cho người lao động, giúp người lao động tiếp cận được với các sản phẩm chất lượng cao do chính mình làm ra với giá ưu đãi.

Mỗi năm tổng số tiền hỗ trợ công nhân, người lao động trong toàn Tập đoàn từ 20-25 tỷ đồng.

Chương trình từ thiện "Áo ấm cho trẻ vùng cao" mang áo ấm đến cho các em nhỏ tại các Trường Dân tộc Nội trú, Bán trú của huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang

Tập đoàn trao 5.000 khẩu trang kháng khuẩn cho đại diện Đại học Y Hà Nội

Tết sum vầy – Ngày hội Công nhân – Phiên chợ nghĩa tình Xuân Tân Sửu 2021

4. QUẢN TRỊ RỦI RO

Với phương châm thực hiện hoạt động quản trị rủi ro hiệu quả thông qua việc tích hợp vào quá trình ra quyết định và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn; Quản trị rủi ro (dưới đây viết tắt là QTRR) ngày càng được thể hiện rõ nét hơn trong các hoạt động của Vinatex. Năm 2020 là một năm đầy khó khăn, thách thức, lần đầu tiên sau hơn 25 năm xuất khẩu dệt may của Việt Nam giảm. Hệ thống Vinatex có trên 40 đơn vị thành viên hoạt động trong lĩnh vực dệt may với 70.711 lao động, việc quản lý hết sức phức tạp. Tuy nhiên, những tác động từ dịch bệnh Covid-19 đến kết quả sản xuất kinh doanh của Vinatex đã được kiểm soát tốt, tình hình sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống các doanh nghiệp trong Vinatex vẫn được duy trì ổn định, giúp cho Vinatex hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hiệu quả của công tác QTRR được thể hiện như sau:

(1) PHÒNG NGỪA VỀ RỦI RO GIÁN ĐOẠN SẢN XUẤT TẠI CÁC DOANH NGHIỆP: Tuyên truyền mạnh mẽ, thường xuyên áp dụng nghiêm các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y Tế giúp cho toàn bộ các doanh nghiệp của Tập đoàn không bị gián đoạn sản xuất do phải cách ly...

(2) GIẢM THIỂU RỦI RO KHÔNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH VỀ DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN TRONG ĐIỀU KIỆN HẾT SỨC KHÓ KHĂN: Với phương châm chấp nhận rủi ro có cân nhắc, ra quyết định nhanh nhờ đó đã tận dụng được cơ hội ngắn hạn trong sản xuất kinh doanh mặt hàng không truyền thống. Từ đó, giúp ổn định sản xuất và ổn định lao động trong giai đoạn khó khăn nhất của năm 2020.

(3) GIẢM THIỂU RỦI RO VỀ THANH TOÁN VÀ HỦY ĐƠN HÀNG TỪ PHÍA KHÁCH HÀNG: Liên hệ trao đổi thường xuyên các Hiệp hội ngành nghề quốc tế nhờ đó ổn định tài chính giúp giảm áp lực lớn về dòng tiền cho doanh nghiệp.

Hoạt động kiểm tra giám sát của Tập đoàn luôn được duy trì thực hiện thông qua việc (i) Các ban chức năng (Ban Kiểm soát, Ban Quản trị rủi ro) thu thập số liệu của các đơn vị để tiến hành phân tích đánh giá tại bàn, đưa ra các cảnh báo sớm phòng ngừa rủi ro; (ii) Thành lập các đoàn tổ chức đánh giá chuyên sâu, giám sát đặc biệt đối với các vấn đề trọng yếu.

Để nâng cao hơn nữa công tác quản trị rủi ro của Vinatex, sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Tập đoàn đã sắp xếp tổ chức lại các ban chức năng, Hội đồng quản trị Vinatex đã thành lập 4 Tiểu ban và Văn phòng Hội đồng quản trị giúp việc cho Hội đồng quản trị vào tháng 9 năm 2020. Trong đó, Tiểu ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro do Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Vinatex làm Trưởng tiểu ban. Văn phòng Hội đồng quản trị được tích hợp nhiệm vụ kiểm soát rủi ro và giám sát tài chính các khoản đầu tư của Công ty Mẹ vào các doanh nghiệp khác, đồng thời cũng là cơ quan giúp việc cho các Tiểu ban của Hội đồng quản trị. Trong quý IV năm 2020, đã tiến hành các cuộc kiểm toán nội bộ dựa trên đánh giá mức độ rủi ro trọng yếu bao gồm công nợ phải thu và tồn kho tại 7 doanh nghiệp.

KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO CHO NĂM 2021

Trong năm 2021, với mục tiêu xuất khẩu dệt may Việt Nam sẽ quay trở lại mức của năm 2019 trong bối cảnh diễn biến của dịch bệnh Covid-19 vẫn hết sức phức tạp. Như vậy, cũng như năm 2020, để đạt được những mục tiêu kế hoạch đã đặt ra thì Vinatex ngoài việc quản lý những rủi ro đã được nhận diện thì tiếp tục có những hành động để quản lý những rủi ro quan trọng thông qua việc các sự kiện và biện pháp quản lý liên tục được rà soát, cập nhật để đảm bảo tính hiệu quả trong công tác này.

VI.
BÁO CÁO KIỂM TOÁN HỢP NHẤT

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Quyết định Thành lập số	974/QĐ-TTg	Ngày 25 tháng 6 năm 2010
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số	0100100008	Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 3 tháng 9 năm 2020. Các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản Trị

Ông Lê Tiến Trường	Chủ tịch *(từ ngày 19/8/2020)*
Ông Trần Quang Nghị	Phó Chủ tịch *(từ ngày 19/8/2020)*
	Chủ tịch *(đến ngày 18/8/2020)*
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên *(đến ngày 18/8/2020)*
Ông Vũ Hồng Tuấn	Ủy viên *(từ ngày 19/8/2020)*
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên

Cơ Quan Tổng Giám đốc

Ông Đặng Vũ Hùng	Tổng Giám đốc *(từ ngày 19/8/2020)*
	Phó Tổng Giám đốc *(đến ngày 18/8/2020)*
Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc *(đến ngày 18/8/2020)*
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc *(đến ngày 30/9/2020)*
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc *(đến ngày 30/9/2020)*
Ông Phạm Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạc Thuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Hữu Hiếu	Phó Tổng Giám đốc *(từ ngày 1/1/2020)*
Ông Nguyễn Đức Trị	Phó Tổng Giám đốc *(từ ngày 1/1/2020)*
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành *(đến ngày 31/8/2020)*

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng	Trưởng ban *(từ ngày 19/8/2020)*
Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Trưởng ban *(đến ngày 18/8/2020)*
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên
Bà Đoàn Thị Thu Hương	Thành viên *(từ ngày 19/8/2020)*
Bà Đặng Thị Hồng Lê	Thành viên *(từ ngày 19/8/2020)*
Bà Nguyễn Lê Trà My	Thành viên *(từ ngày 19/8/2020)*
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên *(đến ngày 18/8/2020)*
Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên *(đến ngày 18/8/2020)*
Bà Lê Thị Ánh Ngọc	Thành viên *(đến ngày 18/8/2020)*

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 82 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc

Đặng Vũ Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 82.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết trình 48 của báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó đề cập đến việc một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 đã được điều chỉnh lại.

- Ý kiến kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 không bị ngoại trừ về các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00283-21-2

Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 3073-2019-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thùy Linh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**7.301.936.228.739**	**9.327.841.126.519**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**6**	**469.771.140.126**	**412.299.064.625**
Tiền	111		295.552.267.018	294.068.859.146
Các khoản tương đương tiền	112		174.218.873.108	118.230.205.479
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**1.519.924.436.987**	**1.717.957.810.829**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	1.519.924.436.987	1.717.957.810.829
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.659.588.551.038**	**3.300.485.481.917**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	1.717.590.972.331	2.221.905.904.397
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		179.836.265.974	154.581.082.303
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	180.514.224.180	163.891.444.792
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	897.730.924.354	1.059.601.548.580
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(317.773.121.729)	(299.555.928.347)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.689.285.928	61.430.192
Hàng tồn kho	**140**	**12**	**2.444.162.902.391**	**3.632.577.906.079**
Hàng tồn kho	141		2.508.124.773.121	3.697.724.041.470
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(63.961.870.730)	(65.146.135.391)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**208.489.198.197**	**264.520.863.069**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	19(a)	25.566.120.760	46.189.843.113
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		179.056.603.128	215.127.869.896
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22(a)	3.866.474.309	3.203.150.060

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	**200**		**10.717.740.213.003**	**10.488.681.153.946**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**177.693.218.813**	**317.290.610.714**
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	73.252.550.383	6.302.200.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	207.350.593.226	413.911.005.510
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11	(102.909.924.796)	(102.922.594.796)
Tài sản cố định	**220**		**6.342.391.068.019**	**6.819.610.165.215**
Tài sản cố định hữu hình	221	13	6.116.605.323.922	6.576.001.310.029
Nguyên giá	*222*		*12.929.157.965.738*	*12.858.122.123.460*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(6.812.552.641.816)*	*(6.282.120.813.431)*
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	110.601.877.481	120.962.708.756
Nguyên giá	*225*		*163.990.886.048*	*160.507.724.393*
Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		*(53.389.008.567)*	*(39.545.015.637)*
Tài sản cố định vô hình	227	15	115.183.866.616	122.646.146.430
Nguyên giá	*228*		*172.623.057.619*	*172.023.713.283*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(57.439.191.003)*	*(49.377.566.853)*
Bất động sản đầu tư	**230**	**16**	**425.793.709.995**	**324.297.220.190**
Nguyên giá	231		516.342.244.659	377.248.278.173
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(90.548.534.664)	(52.951.057.983)
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**891.647.317.734**	**304.911.956.611**
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	17	226.719.742.686	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	664.927.575.048	304.911.956.611
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**2.487.165.893.856**	**2.335.170.245.842**
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(b)	2.327.818.556.728	2.142.674.504.385
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(b)	216.863.877.154	217.063.877.154
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(b)	(61.716.540.026)	(28.268.135.697)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(a)	4.200.000.000	3.700.000.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**393.049.004.586**	**387.400.955.374**
Chi phí trả trước dài hạn	261	19(b)	388.569.533.904	381.972.481.387
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	3.698.111.749	4.647.115.054
Tài sản dài hạn khác	268		781.358.933	781.358.933
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**18.019.676.441.742**	**19.816.522.280.465**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020(tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**9.951.059.544.130**	**11.882.499.919.383**
Nợ ngắn hạn	**310**		**5.674.168.895.580**	**7.301.440.420.908**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	1.360.143.971.837	1.349.816.540.799
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		100.572.078.470	74.776.634.082
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22(b)	59.310.012.282	60.442.550.710
Phải trả người lao động	314		508.560.004.107	562.443.228.583
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23(a)	95.225.574.665	89.510.100.874
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	25	27.441.285.822	13.679.365.174
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	130.034.697.203	456.063.772.448
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26(a)	3.200.971.544.909	4.531.543.973.875
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	27	5.634.013.216	2.314.337.751
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	186.275.713.069	160.849.916.612
Nợ dài hạn	**330**		**4.276.890.648.550**	**4.581.059.498.475**
Phải trả người bán dài hạn	331		42.585.396.057	17.600.000
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		16.140.080.972	21.147.559.587
Chi phí phải trả dài hạn	333	23(b)	22.768.128.000	23.716.800.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	25	337.676.188.800	328.411.892.102
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	80.920.296.553	95.938.343.430
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26(b)	3.685.762.065.617	4.021.815.432.977
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	64.084.982.111	62.239.358.739
Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	26.953.510.440	27.772.511.640

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020(tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	**400**	**29**	**8.068.616.897.612**	**7.934.022.361.082**
Vốn chủ sở hữu	**410**		**8.042.319.126.650**	**7.905.682.963.100**
Vốn cổ phần	411	30	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*5.000.000.000.000*	*5.000.000.000.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Vốn khác của chủ sở hữu	414		42.307.195.973	39.707.195.973
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(751.951.666.799)	(751.951.666.799)
Quỹ đầu tư phát triển	418	32	586.085.418.175	543.609.956.752
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		716.755.393.839	745.261.787.239
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*389.099.585.030*	*225.740.259.553*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*327.655.808.809*	*519.521.527.686*
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	33	543.092.845.095	550.677.792.232
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.875.668.008.015	1.748.015.965.351
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	**430**		**26.297.770.962**	**28.339.397.982**
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		26.297.770.962	28.339.397.982
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**18.019.676.441.742**	**19.816.522.280.465**

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Nga	Nguyễn Ngọc Cách	Đặng Vũ Hùng
Chuyên viên Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**35**	**13.938.731.520.239**	**19.022.680.725.628**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**35**	**29.749.458.992**	**36.674.328.831**
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**13.908.982.061.247**	**18.986.006.396.797**
Giá vốn hàng bán	**11**	**36**	**12.629.309.245.248**	**17.470.183.409.814**
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	**20**		**1.279.672.815.999**	**1.515.822.986.983**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	253.996.131.390	367.117.178.998
Chi phí tài chính	22	38	421.953.178.575	549.334.513.564
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*332.065.048.311*	*517.331.839.298*
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24	7(b)	579.219.980.944	700.656.909.518
Chi phí bán hàng	25	39	438.302.420.698	548.639.151.706
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	668.018.143.461	758.120.623.626
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 +26)}	**30**		**584.615.185.599**	**727.502.786.603**
Thu nhập khác	31	41	100.415.689.802	86.051.171.368
Chi phí khác	32	42	91.635.832.288	47.264.762.900
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**8.779.857.514**	**38.786.408.468**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**593.395.043.113**	**766.289.195.071**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**44**	**30.059.225.708**	**41.278.095.976**
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	**52**	**44**	**2.794.626.677**	**7.884.634.231**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	**60**		**560.541.190.728**	**717.126.464.864**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	**60**		**560.541.190.728**	**717.126.464.864**
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		327.655.808.809	519.521.527.686
Cổ đông không kiểm soát	62		232.885.381.919	197.604.937.178
Lãi trên cổ phiếu		**45**		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		570	953
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		514	859

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Nga	Nguyễn Ngọc Cách	Đặng Vũ Hùng
Chuyên viên Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**593.395.043.113**	**766.289.195.071**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		810.991.058.426	836.391.575.493
Các khoản dự phòng	03		52.969.337.315	(134.035.162.752)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.544.455.925)	(8.315.325.651)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(747.414.125.149)	(981.681.019.954)
Chi phí lãi vay	06		332.065.048.311	517.331.839.298
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**1.038.461.906.091**	**995.981.101.505**
Biến động các khoản phải thu	09		443.768.548.832	(470.490.215.781)
Biến động hàng tồn kho	10		842.384.643.421	848.235.653.715
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		89.297.528.856	377.215.667.270
Biến động chi phí trả trước	12		9.057.035.137	(9.283.961.363)
			2.422.969.662.337	**1.741.658.245.346**
Tiền lãi vay đã trả	14		(326.706.440.315)	(531.412.745.817)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(35.989.610.913)	(39.397.017.526)
Trả về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp	17		(357.614.866.635)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(45.707.957.941)	(77.286.553.933)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**1.656.950.786.533**	**1.093.561.928.070**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(828.226.349.909)	(760.839.968.313)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		79.546.907.662	89.993.972.884
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(1.640.604.756.625)	(1.620.163.964.971)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn	24		1.830.251.433.095	435.772.493.710
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(58.661.103.882)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		885.764.362	69.002.392.101
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		619.968.767.056	750.971.472.131
Ảnh hưởng thuần của việc thoái vốn đầu tư vào công ty con		5	43.635.458.231	127.538.305.410
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**105.457.223.872**	**(966.386.400.930)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	31		37.397.156.000	23.107.250.000
Tiền thu từ đi vay	33		20.234.573.059.432	23.597.339.132.524
Tiền trả nợ gốc vay	34		(21.614.573.386.883)	(24.406.893.725.728)
Tiền trả cổ tức	36		(362.665.269.463)	(522.274.833.281)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(1.705.268.440.914)**	**(1.308.722.176.485)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		57.139.569.491	(1.181.546.649.345)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		412.299.064.625	1.591.051.847.226
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		332.506.010	2.793.866.744
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	469.771.140.126	412.299.064.625

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Nga	Nguyễn Ngọc Cách	Đặng Vũ Hùng
Chuyên viên Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là "Tập đoàn") và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, đay tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;

- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;

- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;

- Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cẩu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân

dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;

- Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
- Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
- Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.

2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các Công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 34 công ty liên kết (1/1/2020: 34 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 34 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	13
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	13
Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	7
	33
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất	34
	67

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 29.235 nhân viên (1/1/2020: 33.963 nhân viên).

(e) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Từ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Việt Nam cơ bản đã dừng cách ly xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước đã dần quay lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, số ca lây nhiễm trên toàn thế giới vẫn tiếp tục gia tăng trong năm 2020. Ngày 28 tháng 1 năm 2021, dịch Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Quảng Ninh và Hải Dương, và lan sang một số tỉnh thành khác. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Dệt may phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, ngoại trừ việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ như được trình bày ở Thuyết minh 3(b).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn ở Công văn số 1510/VP-CP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Theo đó, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh số lỗ chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Nếu Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày

31 tháng 12 năm 2020 sẽ cùng giảm 3.029 triệu VND (1/1/2020: 6.058 triệu VND), chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt sẽ cùng giảm và tăng 3.029 triệu VND (2019: chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế TNDN, lần lượt, sẽ cùng giảm và tăng 3.029 triệu VND).

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của công ty mẹ Tập đoàn phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần ("Nghị định 59") và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

• Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.

• Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:

- Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.

- Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.

- Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(q)(viii)).

(iii) Đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(v) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác bao gồm chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn kiểm soát;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình

vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản khác	4 - 10 năm

(i)Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

(k) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban lãnh đạo công ty con tương ứng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Hạ tầng khu công nghiệp	4 - 45 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(ii) Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước

Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Phụ tùng thay thế

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(v) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(vi) Chênh lệch tỷ giá

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3(b), lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

(vii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê lại đất thuê

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;

- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

(v) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(d)(ii)).

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, đay tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất; và

- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và

- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

	Công nghiệp dệt may VND
Năm 2020	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	13.432.451.972.020
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.562.937.120.759
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	14.995.389.092.779
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	577.807.184.906
Kết quả kinh doanh của bộ phận	466.823.427.661
Thu nhập khác	98.055.878.301
Chi phí khác	(88.308.546.612)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(23.075.298.596)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	3.797.081.042
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	**457.292.541.796**
Năm 2019 - đã điều chỉnh lại	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17.888.271.960.415
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.657.980.498.791
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	20.546.252.459.206
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	679.029.409.817
Kết quả kinh doanh của bộ phận	582.456.653.941
Thu nhập khác	140.088.959.372
Chi phí khác	(31.685.101.438)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(23.413.654.231)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	(537.851.688)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN	666.909.005.956

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
122.054.760.041	354.475.329.186	-	13.908.982.061.247
25.418.104.143	29.418.892.503	(1.617.774.117.405)	-
147.472.864.184	383.894.221.689	(1.617.774.117.405)	13.908.982.061.247
(21.763.039.830)	23.175.835.868	-	579.219.980.944
2.991.490.449	40.064.129.877	74.736.137.612	584.615.185.599
1.215.491.913	1.144.319.588	-	100.415.689.802
(27.185.464)	(515.684.101)	(2.784.416.111)	(91.635.832.288)
(779.504.220)	(6.204.422.892)	-	(30.059.225.708)
-	-	(6.591.707.719)	(2.794.626.677)
3.400.292.678	**34.488.342.472**	**65.360.013.782**	**560.541.190.728**
128.839.056.253	968.895.380.129	-	18.986.006.396.797
31.081.753.389	7.422.850.141	(2.696.485.102.321)	-
159.920.809.642	976.318.230.270	(2.696.485.102.321)	18.986.006.396.797
(5.182.662.432)	26.810.162.133	-	700.656.909.518
5.349.341.550	70.782.029.562	68.914.761.550	727.502.786.603
6.319.739.921	2.074.757.076	(62.432.285.001)	86.051.171.368
(13.490.139.744)	(2.531.060.992)	441.539.274	(47.264.762.900)
(1.327.376.939)	(16.537.064.806)	-	(41.278.095.976)
-	-	(7.346.782.543)	(7.884.634.231)
(3.148.435.212)	53.788.660.840	(422.766.720)	717.126.464.864

	Công nghiệp dệt may VND
Tại ngày 31/12/2020	
Tài sản của bộ phận	19.694.330.249.390
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.498.830.071.718
Tổng tài sản của bộ phận	21.193.160.321.108
Tổng nợ phải trả của bộ phận	11.268.063.658.700
Năm 2020	
Chi tiêu vốn	857.680.427.739
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	716.699.522.513
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	13.843.992.930
Khấu hao tài sản cố định vô hình	8.264.362.362
Khấu hao bất động sản đầu tư	2.589.175.308
Tại ngày 1/1/2020 - đã điều chỉnh lại	
Tài sản của bộ phận	22.058.739.457.980
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.499.930.071.718
Tổng tài sản của bộ phận	23.558.669.529.698
Tổng nợ phải trả của bộ phận	13.359.910.694.509
Năm 2018	
Chi tiêu vốn	719.019.254.398
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	774.916.240.634
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	7.374.697.038
Khấu hao tài sản cố định vô hình	12.944.552.184
Khấu hao bất động sản đầu tư	8.130.515.609

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
125.326.059.004	1.442.645.948.579	(5.570.444.371.959)	15.691.857.885.014
912.560.000	307.875.000	827.768.050.010	2.327.818.556.728
126.238.619.004	1.442.953.823.579	(4.742.676.321.949)	18.019.676.441.742
348.086.924.139	602.159.082.236	(2.267.250.120.945)	9.951.059.544.130
160.227.273	31.339.454.051	(60.953.759.154)	828.226.349.909
1.762.166.553	44.044.789.191	6.038.241.868	768.544.720.125
-	-	-	13.843.992.930
-	87.661.788	-	8.352.024.150
207.734.004	11.498.514.610	(242.240.506)	14.053.183.416
125.635.861.551	1.084.662.475.657	(5.595.190.019.108)	17.673.847.776.080
912.560.000	307.875.000	641.523.997.667	2.142.674.504.385
126.548.421.551	1.084.970.350.657	(4.953.666.021.441)	19.816.522.280.465
349.782.590.217	653.113.034.473	(2.480.306.399.816)	11.882.499.919.383
2.473.220.000	110.841.772.130	(71.494.278.215)	760.839.968.313
1.718.901.416	37.141.645.609	(26.898.514.820)	786.878.272.839
-	-	-	7.374.697.038
-	75.714.288	4.070.064	13.024.336.536
207.734.004	5.147.094.631	-	13.485.344.244

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

Năm 2020	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	4.755.381.973.420	9.153.600.087.827	13.908.982.061.247
Kết quả kinh doanh của bộ phận	557.445.059.544	722.227.756.455	1.279.672.815.999
Thu nhập không phân bổ			833.216.112.334
Chi phí không phân bổ			(1.528.273.742.734)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			584.615.185.599
Thu nhập khác			100.415.689.802
Chi phí khác			(91.635.832.288)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(32.853.852.385)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			560.541.190.728

Năm 2019 - đã điều chỉnh lại	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	7.967.827.690.574	11.018.178.706.223	18.986.006.396.797
Kết quả kinh doanh của bộ phận	278.684.084.342	1.237.138.902.641	1.515.822.986.983
Thu nhập không phân bổ			1.067.774.088.516
Chi phí không phân bổ			(1.856.094.288.896)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			727.502.786.603
Thu nhập khác			86.051.171.368
Chi phí khác			(47.264.762.900)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(49.162.730.207)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			**717.126.464.864**

Tại ngày 31/12/2020	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	925.369.635.032	654.284.481.544	1.579.654.116.576
Tài sản không phân bổ			16.440.022.325.166
Tổng tài sản			**18.019.676.441.742**
Nợ phải trả của bộ phận	808.634.359.857	710.807.167.479	1.519.441.527.336
Các khoản nợ không phân bổ			8.431.618.016.794
Tổng nợ phải trả			**9.951.059.544.130**

Tại ngày 1/1/2020 - đã điều chỉnh lại	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	1.749.976.376.689	309.945.972.417	2.059.922.349.106
Tài sản không phân bổ			17.756.599.931.359
Tổng tài sản			**19.816.522.280.465**
Nợ phải trả của bộ phận	160.929.647.068	1.273.446.659.264	1.434.376.306.332
Các khoản nợ không phân bổ			10.448.123.613.051
Tổng nợ phải trả			**11.882.499.919.383**

5. Thoái vốn đầu tư ở các công ty con

Ngày 1 tháng 1 năm 2020, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, một công ty con cấp 2 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dệt May Hoàng Thị Loan, một công ty con cấp 3, cho nhà đầu tư khác.

Giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	Giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mất quyền kiểm soát VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.406.487.769
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.600.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	69.901.984.770
Trả trước cho người bán ngắn hạn	863.334.586
Hàng tồn kho	120.494.882.242
Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước	252.079.573
Tài sản ngắn hạn khác	681.006.189
Tài sản cố định hữu hình - nguyên giá	328.264.160.703
Tài sản cố định hữu hình - giá trị hao mòn lũy kế	(167.747.431.368)
Tài sản cố định vô hình - nguyên giá	484.000.000
Tài sản cố định vô hình - giá trị hao mòn lũy kế	(290.400.000)
Chi phí trả trước dài hạn	7.028.893.348
Phải trả người bán ngắn hạn	(38.969.768.922)

Phải trả ngắn hạn khác	(13.875.814.948)
Vay ngắn hạn	(221.874.185.471)
Vay dài hạn	(59.123.243.650)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(739.769.928)
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mất quyền kiểm soát	34.356.214.893
Lợi ích cổ đông không kiểm soát của công ty con cấp 2	(8.388.642.470)
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 tại ngày mất quyền kiểm soát	25.967.572.423
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 sau khi mất quyền kiểm soát	-
Giá trị tài sản thuần chuyển nhượng	25.967.572.423
Lãi từ thoái vốn đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 37)	25.074.373.577
Tiền thu được từ thoái vốn	51.041.946.000
Khoản tiền giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(7.406.487.769)
Khoản tiền thuần tăng lên do thoái vốn đầu tư vào công ty con	43.635.458.231

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	11.144.725.051	14.199.319.405
Tiền gửi ngân hàng	284.407.541.967	279.739.471.541
Tiền đang chuyển	-	130.068.200
Các khoản tương đương tiền	174.218.873.108	118.230.205.479
	469.771.140.126	412.299.064.625

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 7.562 triệu VND (1/1/2020: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 24(a)).

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm 198.925 triệu VND (1/1/2020: 1.796 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.504.924.436.987	1.517.812.856.204	1.717.957.810.829	1.738.542.122.911
Trái phiếu (ii)	10.000.000.000	(*)	-	-
Trái phiếu (iii)	5.000.000.000	(*)	-	-
	1.519.924.436.987		1.717.957.810.829	1.738.542.122.911
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn				
Trái phiếu (iv)	4.200.000.000	(*)	3.700.000.000	(*)

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 5% đến 8% (2019: từ 1% đến 7,2%).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá trị gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 1 tháng 1 năm 2020 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 1 tháng 1 năm 2020.

(ii) Khoản trái phiếu này hưởng lãi suất 5,9%/năm

(iii) Khoản trái phiếu này hưởng lãi suất 8,7%/năm

(iv) Khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành, có kỳ hạn 10 năm và hưởng lãi suất năm từ 6,8% đến 7,2% (2019: từ 7,8% đến 8,2%)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(c) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết				
Tổng Công ty May 10 - CTCP	33,82%	33,82%	77.036.979.785	(*)
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	419.067.927.642	(*)
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	79.953.935.662	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	21,21%	21,21%	30.719.345.637	(*)
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	96.697.395.450	(*)
Công ty Cổ phần May Đức Giang - CTCP	35,21%	35,21%	48.217.029.710	(*)
Công ty Cổ phần May Hưng Yên - CTCP	35,01%	35,01%	123.334.289.546	(*)
Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	40,33%	40,33%	85.477.078.065	(*)
Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	590.702.530.006	(*)
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	138.959.835.083	(*)
Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			637.652.210.142	(*)
			2.327.818.556.728	

	31/12/2020				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác					
Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	3.239.705.150
Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác					
Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	2,5%	2,5%	19.450.204.510	(11.394.827.652)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)
Các khoản đầu tư khác	-	-	189.759.192.284	(50.321.712.374)	(*)
			216.863.877.154	**(61.716.540.026)**	

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2020			
Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
33,82%	33,82%	70.529.828.761	(*)
30,40%	30,40%	411.821.835.137	(*)
46,93%	46,93%	67.410.144.717	(*)
21,21%	21,21%	30.719.345.637	(*)
27,69%	27,69%	92.268.039.871	(*)
35,21%	35,21%	48.188.067.965	(*)
35,01%	35,01%	120.126.332.662	(*)
40,33%	40,33%	85.622.622.525	(*)
17,86%	17,86%	460.082.837.592	(*)
22,05%	22,05%	130.018.039.220	(*)
		625.887.410.298	(*)
		2.142.674.504.385	

1/1/2020				
Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	2.562.254.500
2,8%	2,8%	19.450.204.510	(11.047.595.992)	(*)
18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)
		189.959.192.284	(17.220.539.705)	(*)
		217.063.877.154	**(28.268.135.697)**	

Trong năm 2016, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam ("Công văn 17623"), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được trình bày chi tiết trong Thuyết minh 3(d)(ii). Đồng thời, như được trình bày trong Thuyết minh 24(a), ngày 7 tháng 4 năm 2020, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 1080/QĐ-BCT ("Quyết định 1080") về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. Theo đó, giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp đã được phê duyệt. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã điều chỉnh hồi tố giá trị của các khoản đầu tư tài chính dài hạn, các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và số phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp dựa theo kết quả xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt trong Quyết định 1080 nói trên.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 110.000 triệu VND (1/1/2020: 156.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	2.142.674.504.385	1.915.184.143.351
Tăng do công ty con trở thành công ty liên kết	-	158.687.027.558
Phần lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết	579.219.980.944	700.656.909.518
Cổ tức nhận được	(394.075.928.601)	(619.654.422.874)
Thanh lý các công ty liên kết	-	(7.500.000.000)
Giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại một số công ty liên kết giảm	-	(4.699.153.168)
Số dư cuối năm	**2.327.818.556.728**	**2.142.674.504.385**

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan (*)	146.235.644.557	233.239.988.791
Phải thu các khách hàng khác	1.571.355.327.774	1.988.665.915.606
	1.717.590.972.331	**2.221.905.904.397**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản phải thu khách hàng có giá trị sổ là 98.854 triệu VND (1/1/2020: 460.029 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

(*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	32.615.019.194	129.822.352.439
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	-	47.594.048.784
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	445.131.648	39.464.327.169
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt may Nam Định	96.307.103.029	-
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	14.430.807.340	15.066.518.740
Các công ty liên quan khác	2.437.583.346	1.292.741.659
	146.235.644.557	**233.239.988.791**

Khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. Phải thu về cho vay

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	90.000.000.000	90.000.000.000
Bên khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	61.600.000.000	61.600.000.000
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế (i)	89.397.374.563	-
Các công ty khác	12.769.400.000	18.593.644.792
	253.766.774.563	**170.193.644.792**
Phần phải thu trong vòng 12 tháng	(180.514.224.180)	(163.891.444.792)
	73.252.550.383	**6.302.200.000**

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 7% đến 10% (2019: 7% đến 10%).

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên khác không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 8,5% đến 11,5% (2019: 8,5% đến 11,5%).

(i) Trước ngày 29 tháng 6 năm 2020, đây là các khoản phải thu của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3, công ty con cấp 2, về cho thuê tài chính đối với Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế. Theo các điều khoản của hợp đồng, lãi vay hàng tháng sẽ được xác định bằng lãi suất công ty con này đi vay để tài trợ cho việc đầu tư các tài sản cho thuê tài chính. Thời gian ân hạn trả nợ tiền gốc và lãi là hai năm (từ năm 2015 đến hết năm 2016). Tổng số tiền gốc và lãi vay ân hạn được phân bổ đều theo tổng số lần thanh

toán tiền gốc và lãi vay trong thời gian thuê còn lại và sẽ được Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế thanh toán cho công ty con này cùng với chi phí lãi vay phải trả hàng quý từ Quý 1 năm 2017 và trả đều trong thời gian thuê còn lại theo tiến độ thanh toán được quy định trong hợp đồng

Tại ngày 30 tháng 12 năm 2019, công ty con này đã ký kết biên bản thỏa thuận về việc dừng hợp đồng cho thuê tài chính số 05/HĐCTTS/8-3-VTJ ngày 31/01/2015 với Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế. Theo đó, ngày 2 tháng 1 năm 2020, Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế bàn giao lại cho công ty con này tài sản cho thuê có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 là 188.826.112.183 VND (Thuyết minh 13 và 16). Ngoài ra, các nghĩa vụ còn lại của Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế đối với hợp đồng thuê tài chính sẽ được chuyển thành một khoản cho vay và Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế có trách nhiệm thanh toán từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 12 năm 2024.

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	448.767.153.074	537.714.824.026
Góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh	135.000.000.000	225.000.000.000
Phải thu lãi cho vay	97.350.843.232	108.490.160.101
Ký cược, ký quỹ	78.555.700.215	67.942.745.612
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	-	31.097.155.583
Phải thu các khoản tạm ứng	8.445.870.639	13.423.239.425
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	12.888.419.217	20.584.312.082
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	14.134.181.201	13.297.799.850
Các khoản chi hộ	12.113.711.863	3.029.332.110
Phải thu người lao động	3.084.231.799	4.869.040.422
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	-	10.000.000.000
Phải thu về cổ phần hóa	-	1.330.000
Phải thu bảo hiểm bồi thường	21.873.453.797	-
Phải thu về bàn giao tài sản	23.181.818.182	-
Phải thu về tạm ứng cho Công ty Cổ Phần Dệt May Liên Phương	16.322.000.000	16.322.000.000
Phải thu khác	26.013.541.135	7.829.609.369
	897.730.924.354	**1.059.601.548.580**

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	185.000.000.000	278.000.000.000
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	6.048.000.000	12.600.000.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	80.478.369.775	53.623.680.000
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	11.384.273.760	33.204.124.800
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	16.753.500.000	24.637.500.000
Tổng Công ty May 10 - CTCP	12.272.877.600	-
Tổng Công ty Đức Giang - CTCP	6.338.449.500	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	49.059.024.653	-
Các công ty liên quan khác	40.072.729.041	33.844.908.039
	407.407.224.329	**435.910.212.839**

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	43.532.895.759	43.532.895.759
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	102.909.924.796	102.922.594.796
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	-	193.247.416.406
Ký quỹ, ký cược dài hạn	33.147.280.211	34.233.531.413
Phải thu dài hạn khác	27.760.492.460	39.974.567.136
	207.350.593.226	**413.911.005.510**

(i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân.

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2020			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn				
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	33.853.572.750	(33.853.572.750)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.303.792.764	(40.303.792.764)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	Trên 3 năm	29.921.566.760	(29.921.566.760)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	Trên 3 năm	32.923.446.043	(15.715.833.457)	17.207.612.586
Các khách hàng khác	2 đến 3 năm	201.608.598.345	(197.978.355.998)	3.630.242.347
		338.610.976.662	(317.773.121.729)	20.837.854.933
Nợ trong hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương		102.909.924.796	(102.909.924.796)	-
Trong đó:				
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn			(317.773.121.729)	
Dự phòng phải thu khó đòi - dài hạn			(102.909.924.796)	

12. Hàng tồn kho

	31/12/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	277.970.546.612	-
Nguyên vật liệu	715.216.907.638	(7.792.575.551)
Công cụ và dụng cụ	6.823.372.522	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	676.622.773.898	(7.379.626.932)
Thành phẩm	714.854.417.924	(47.992.374.582)
Hàng hóa	17.629.384.768	(797.293.665)
Hàng gửi đi bán	99.007.369.759	-
	2.508.124.773.121	**(63.961.870.730)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 937.387 triệu VND (1/1/2020: 532.414 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2020			
Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Trên 3 năm	33.913.572.750	(33.913.572.750)	-
Trên 3 năm	40.313.792.764	(40.313.792.764)	-
Trên 3 năm	29.921.566.760	(29.921.566.760)	-
	-	-	-
2 đến 3 năm	240.856.325.906	(195.406.996.073)	45.449.329.833
	345.005.258.180	(299.555.928.347)	45.449.329.833
	102.922.594.796	(102.922.594.796)	-
		(299.555.928.347)	
		(102.922.594.796)	

1/1/2020	
Giá gốc VND	Dự phòng VND
183.458.465.415	-
1.141.187.366.798	(7.642.752.163)
4.242.030.785	-
1.264.423.321.410	(8.229.414.350)
995.538.642.195	(46.959.322.185)
32.163.162.884	(2.314.646.693)
76.711.051.983	-
3.697.724.041.470	**(65.146.135.391)**

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 311.685 triệu VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2020: 459.517 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	3.527.801.557.496	8.743.843.762.332
Tăng trong năm	1.463.359.137	63.208.716.552
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	178.266.789.680	141.595.492.376
Nhận lại tài sản cho thuê tài chính (Thuyết minh 9)	-	89.375.593.290
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.102.177.000)	-
Thanh lý	(1.454.143.780)	(84.193.065.998)
Xóa sổ	-	(17.419.223.705)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(57.227.511.625)	(268.467.594.275)
Số dư cuối năm	3.646.747.873.908	8.667.943.680.572

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.188.943.735.124	4.758.519.389.884
Khấu hao trong năm	157.050.483.358	546.271.417.191
Nhận lại tài sản cho thuê tài chính (Thuyết minh 9)	-	20.625.136.914
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.760.919.261)	-
Thanh lý	(1.141.631.435)	(68.014.082.992)
Xóa sổ	-	(11.784.613.812)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(34.971.978.876)	(130.760.711.849)
Số dư cuối năm	1.308.119.688.910	5.114.856.535.336
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	2.338.857.822.372	3.985.324.372.448
Số dư cuối năm	2.338.628.184.998	3.553.087.145.236

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 1.878.734 triệu VND (1/1/2020: 1.785.513 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý (1/1/2020: 3.986 triệu VND).

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
308.965.260.391	96.942.217.363	180.569.325.878	12.858.122.123.460
11.774.082.226	667.365.466	2.243.238.639	79.356.762.020
20.365.755.478	1.505.233.448	1.764.844.727	343.498.115.709
-	-	-	89.375.593.290
-	-	-	(2.102.177.000)
(5.267.126.801)	(498.567.126)	(1.996.163.628)	(93.409.067.333)
-	-	-	(17.419.223.705)
(2.106.798.633)	(462.256.170)	-	(328.264.160.703)
333.731.172.661	98.153.992.981	182.581.245.616	12.929.157.965.738

Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
174.732.041.330	54.322.092.753	105.603.554.340	6.282.120.813.431
26.681.831.380	5.281.132.838	33.259.855.358	768.544.720.125
-	-	-	20.625.136.914
-	-	-	(1.760.919.261)
(5.901.504.776)	(498.567.126)	(1.889.277.884)	(77.445.064.213)
-	-	-	(11.784.613.812)
(1.552.484.473)	(462.256.170)	-	(167.747.431.368)
193.959.883.461	58.642.402.295	136.974.131.814	6.812.552.641.816
134.233.219.061	42.620.124.610	74.965.771.538	6.576.001.310.029
139.771.289.200	39.511.590.686	45.607.113.802	6.116.605.323.922

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.907.023 triệu VND (1/1/2020: 5.422.460 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	158.986.329.173
Tăng trong năm	3.483.161.655
Số dư cuối năm	162.469.490.828
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	39.203.467.929
Khấu hao trong năm	13.639.085.520
Số dư cuối năm	52.842.553.449
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	119.782.861.244
Số dư cuối năm	109.626.937.379

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	142.755.275.479
Tăng trong năm	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-
Số dư cuối năm	142.755.275.479
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	26.546.228.686
Khấu hao trong năm	6.402.822.458
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-
Số dư cuối năm	32.949.051.144
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	116.209.046.793
Số dư cuối năm	109.806.224.335

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 7.025 triệu VND (1/1/2020: 7.025 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
1.521.395.220	160.507.724.393
-	3.483.161.655
1.521.395.220	163.990.886.048
341.547.708	39.545.015.637
204.907.410	13.843.992.930
546.455.118	53.389.008.567
1.179.847.512	120.962.708.756
974.940.102	110.601.877.481

Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
28.166.776.204	1.101.661.600	172.023.713.283
1.052.422.336	-	1.052.422.336
30.922.000	-	30.922.000
(484.000.000)	-	(484.000.000)
28.766.120.540	1.101.661.600	172.623.057.619
22.159.417.658	671.920.509	49.377.566.853
1.919.714.188	29.487.504	8.352.024.150
(290.400.000)	-	(290.400.000)
23.788.731.846	701.408.013	57.439.191.003
6.007.358.546	429.741.091	122.646.146.430
4.977.388.694	400.253.587	115.183.866.616

16. Bất động sản đầu tư cho thuê

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Hạ tầng khu công nghiệp VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	209.038.587.579
Tăng trong năm	2.044.303.301
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình cho thuê tài chính (*)	-
Thanh lý	-
Số dư cuối năm	211.082.890.880
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	12.796.849.884
Khấu hao trong năm	5.890.912.951
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình cho thuê tài chính	-
Thanh lý	-
Số dư cuối năm	18.687.762.835
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	196.241.737.695
Số dư cuối năm	192.395.128.045

(*) Ngày 30 tháng 12 năm 2019, Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3, công ty con cấp 2 của Tập đoàn, ký thỏa thuận dừng hợp đồng cho thuê tài chính đối với Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế và nhận lại tài sản thuê tài chính. Ngày 2 tháng 1 năm 2020, Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế, theo đó Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 góp các tài sản nhận về từ việc dừng hợp đồng cho thuê tài chính và Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế sử dụng các tài sản này để sản xuất kinh doanh. Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 nhận về một khoản phân chia doanh thu cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh được tính toán dựa theo chi phí khấu hao của các tài sản này và khoản lãi mà Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 trả cho ngân hàng tài trợ phần vốn đầu tư các tài sản. Do bản chất của giao dịch là cho thuê hoạt động nên các tài sản này được phân loại là bất động sản đầu tư kể từ ngày cho thuê.

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định;

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
168.209.690.594	377.248.278.173
5.513.698.808	7.558.002.109
2.102.177.000	2.102.177.000
143.909.798.002	143.909.798.002
(14.476.010.625)	(14.476.010.625)
305.259.353.779	516.342.244.659
40.154.208.099	52.951.057.983
8.162.270.465	14.053.183.416
1.760.919.261	1.760.919.261
23.834.142.195	23.834.142.195
(2.050.768.191)	(2.050.768.191)
71.860.771.829	90.548.534.664
128.055.482.495	324.297.220.190
233.398.581.950	425.793.709.995

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên;

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex là hệ thống cơ sở hạ tầng và nhà máy May Tuyên Quang tại Xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, hệ thống cơ sở hạ tầng và nhà máy may Quảng Bình tại Khu công nghiệp Cam Liên, Xã Cam Thủy, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình và hệ thống cơ sở hạ tầng cây xanh, mặt bằng, kho, nhà sản xuất của nhà máy may Hải Phòng tại Khu công nghiệp Tân Liên, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng;

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương là quyền sử dụng đất và một phần các công trình gắn với hạ tầng khu công nghiệp của Nhà máy Dệt Đông Phương tại Khu công nghiệp Xuyên Á, Đường Số 3, Ấp Tràm Lạc, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 là hệ thống nhà xưởng tại khu công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.

Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

17. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Đây là các chi phí cho Dự án xây dựng Khu Hỗn hợp Dân cư Thắng Lợi của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú. Khoản này được chuyển từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn sang do Ban Tổng Giám đốc đánh giá có sự chậm trễ gián đoạn dẫn đến việc dự án sẽ kéo dài hơn 12 tháng kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2020.

18. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	304.911.956.611	690.509.110.384
Tăng trong năm	733.831.766.530	410.217.623.309
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(343.498.115.709)	(682.586.730.265)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(30.922.000)	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(696.539.940)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	(12.750.815.362)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(21.885.010.334)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(237.017.955)	-
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	(83.383.079.298)
Xóa sổ	(8.165.082.095)	(24.268.740.189)
Vốn hóa chi phí chạy thử	**-**	**7.871.127.972**
Số dư cuối năm	**664.927.575.048**	**304.911.956.611**

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
- Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ		
Nhà máy Sợi Nam Định	18.841.452.363	18.858.345.490
Dự án Khu liên hợp Sợi - Dệt - Nhuộm - May Quảng Nam	5.089.929.018	4.779.604.583
Cao ốc Văn phòng - Căn hộ Vinatex Building	34.952.147.919	-
- Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
Nhà máy Sợi 2	179.359.738.803	95.265.000
- Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
Dự án Nhà máy May	18.602.502.079	3.099.914.454
Văn phòng Ngô Thì Nhậm	35.709.123.507	20.669.233.014
Dự án Nhà máy Sản xuất vải Vinafa	100.000.000	30.768.928.375
- Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Dự án đầu tư Nhà máy kéo sợi	199.776.093.433	3.765.556.959

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Đầu tư xây dựng Tổ hợp Trung tâm May Đo Thời trang - Showroom - Văn phòng cho thuê	2.363.605.351	26.342.272.713
Cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải	**-**	**2.841.983.614**
- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
Dự án May Nghi Lộc	6.869.728.369	40.728.693.862
- Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam - Hanosimex		
Công trình xây dựng Công ty TNHH MTV Hà Nam Hanosimex	18.857.851.051	18.857.851.051
- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	13.079.345.579	13.262.879.215
- Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú		
Máy móc thiết bị	32.696.386.922	7.476.331.976
- Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Dự án chuyển đổi nhà xưởng vải sang nhà xưởng may	-	12.006.765.900
Cải tạo dây chuyền in ngành gia dụng	-	2.259.746.295
Dự án chợ mới thành phố Vũng Tàu	1.407.780.001	567.052.728
- Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối		
Hệ thống xử lý nước thải	16.550.249.126	9.909.904.894
- Các công trình khác	80.671.641.527	88.621.626.488
	664.927.575.048	**304.911.956.611**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 420.301 triệu VND (1/1/2020: 35.567 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

Trong năm, không có chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (2019: 3.750 triệu VND).

19. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trả trước phí bảo hiểm	4.698.710.194	14.514.864.161
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	2.633.334.156	8.957.276.927
Công cụ dụng cụ	9.834.638.054	11.198.995.818
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.399.438.356	11.518.706.207
	25.566.120.760	**46.189.843.113**

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng trả trước VND	Công cụ, dụng cụ VND
Số dư đầu năm	223.129.318.144	23.678.131.173	59.535.290.412
Tăng trong năm	1.209.916.808	6.323.007.116	59.212.820.922
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	17.522.239.529
Phân bổ trong năm	(8.238.764.825)	(5.220.613.794)	(56.327.836.144)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-	-	-
Thanh lý	(13.033.921.623)	-	-
Số dư cuối năm	**203.066.548.504**	**24.780.524.495**	**79.942.514.719**

(*) Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá được trình bày ở Thuyết minh 3(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ là 2.766 triệu VND (1/1/2020: 11.265 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Chênh lệch tỷ giá (*) VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
16.550.387.628	23.311.247.477	6.058.425.748	29.709.680.805	381.972.481.387
290.639.998	15.142.619.463	-	40.803.303.927	122.982.308.234
-	4.362.770.805	-	-	21.885.010.334
(9.810.421.132)	(9.176.518.000)	(3.029.212.872)	(26.404.084.313)	(118.207.451.080)
(7.028.893.348)	-	-	-	(7.028.893.348)
-	-	-	-	(13.033.921.623)
1.713.146	**33.640.119.745**	**3.029.212.876**	**44.108.900.419**	**388.569.533.904**

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	2.223.989.169	2.343.321.126
Các khoản mục khác	20%	1.474.122.580	2.303.793.928
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.698.111.749	4.647.115.054
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	64.084.982.111	62.239.358.739

21. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	201.999.272.650	260.028.587.440
Phải trả người bán khác	1.158.144.699.187	1.089.787.953.359
	1.360.143.971.837	**1.349.816.540.799**

(*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các công ty liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	64.524.416.090	52.016.834.147
Tổng Công ty Đức Giang - CTCP	54.531.890.534	62.592.362.801
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	52.087.087.704	74.306.054.746
Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam	12.453.389.509	8.603.204.098
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	16.273.412.441	76.287.430
Tổng Công ty May 10 - CTCP	391.697.226	5.308.001.975
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	281.354.761	1.892.851.344
Tổng Công Ty May Nhà Bè - CTCP	-	483.390.499
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	-	54.749.600.400
Các công ty liên quan khác	1.456.024.385	-
	201.999.272.650	**260.028.587.440**

Khoản phải trả các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.166.406.897
Thuế xuất nhập khẩu	402.143.304
Các loại thuế khác	546.438.029
Các khoản khác	88.161.830
	3.203.150.060

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Thuế GTGT đầu ra VND
Thuế giá trị gia tăng	29.363.702.910	676.559.096.842
Thuế xuất nhập khẩu	16.162.399	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.606.013.113	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.384.077.397	-
Thuế tài nguyên	295.619.546	-
Thuế nhà đất	13.773.946.000	-
Tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	3.029.345	-
	60.442.550.710	**676.559.096.842**

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Số đã nộp trong năm VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong năm VND	Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con VND	31/12/2020 VND
5.697.306.948	(5.843.880.687)	-	2.019.833.158
850.827.961	(838.155.678)	-	414.815.587
3.869.928.871	(3.148.600.696)	-	1.267.766.204
327.977.103	-	(252.079.573)	164.059.360
10.746.040.883	**(9.830.637.061)**	**(252.079.573)**	**3.866.474.309**

Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ được hoàn trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/số phải thu VND	31/12/2020 VND
-	(203.963.902.665)	(479.159.466.457)	22.799.430.630
1.201.674.894	(1.063.881.551)	-	153.955.742
30.059.225.708	(36.136.184.652)	-	2.529.054.169
16.938.172.249	(20.276.257.780)	-	5.045.991.866
1.954.486.461	(2.032.895.432)	-	217.210.575
14.847.119.696	(266.115.414)	-	28.354.950.282
21.837.141.806	(21.837.141.806)	-	-
4.059.387.618	(3.852.997.945)	-	209.419.018
90.897.208.432	**(289.429.377.245)**	**(479.159.466.457)**	**59.310.012.282**

23. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí lãi vay	55.933.874.722	45.931.987.781
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	5.635.096.390	7.458.605.289
Chi phí gia công thuê ngoài	2.726.665.642	7.300.891.855
Phí hoa hồng	7.102.744.788	6.585.089.728
Chi phí cải tạo, sửa chữa	1.435.910.167	1.626.461.433
Chi phí hoạt động	9.700.485.978	8.461.676.816
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	2.495.011.761	2.304.124.079
Chi phí phải trả khác	10.195.785.217	9.841.263.893
	95.225.574.665	**89.510.100.874**

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	23.716.800.000	24.665.472.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	22.768.128.000	**23.716.800.000**

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 50 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 14 tháng 3 năm 2055) được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2012 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam) của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

24. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	-	357.614.866.635
Phải trả cổ tức	5.541.457.920	5.519.860.883
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	41.004.920.741	30.096.315.904
Phải trả lãi vay cho công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	12.417.470.886	15.317.470.886
Phải trả lãi vay khác	4.527.808.299	6.271.087.244
Quỹ từ thiện	3.942.941.831	3.783.576.478
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 6)	7.562.091.012	7.562.091.012

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả về sữa chữa tài sản cố định	9.479.266.140	-
Tiền thưởng kết quả công việc phải trả	6.971.271.668	-
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	3.343.527.156	1.186.167.455
Các khoản phải trả khác	35.243.941.550	28.712.335.951
	130.034.697.203	**456.063.772.448**

(*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần. Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Bộ Tài chính và Bộ Công thương đã tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Ngày 7 tháng 4 năm 2020, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 1080/QĐ-BCT ("Quyết định 1080") về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. Theo đó, giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp đã được phê duyệt. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã điều chỉnh hồi tố giá trị của khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp, các khoản đầu tư tài chính dài hạn và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn dựa theo kết quả xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt trong Quyết định 1080 nói trên. Đồng thời, tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã nộp toàn bộ khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	42.516.679.931	42.516.679.931
Nhận góp vốn đầu tư các dự án dài hạn	24.726.000.000	24.726.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	6.212.500.000	9.212.500.000
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	4.700.000.000	-
Các khoản phải trả dài hạn khác	2.765.116.622	19.483.163.499
	80.920.296.553	**95.938.343.430**

(*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại Số 67 Phố Ngô Thì Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

25. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Doanh thu nhận trước	365.117.474.622	342.091.257.276
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(27.441.285.822)	(13.679.365.174)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	**337.676.188.800**	**328.411.892.102**

26. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2020	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND
Vay ngắn hạn	3.928.890.364.969	9.992.137.120.845
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 26(b)(i))	573.833.327.194	508.838.382.249
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	28.820.281.712	19.557.461.350
	4.531.543.973.875	**10.520.532.964.444**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong khoản vay ngắn hạn có 1.303.409 triệu VND (1/1/2020: 2.126.673 triệu VND) là các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 tổng cộng là 2.018.211 triệu VND (1/1/2020: 2.204.249 triệu VND) (các Thuyết minh 6, 7, 8, 12, 13, 17 và 19). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 2% đến 10% (2019: 1,5% đến 10%).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng và chịu lãi suất năm từ 1,8% đến 10% (2019: 1,3% đến 9,5%).

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn (i)	4.233.506.863.055	4.534.609.224.579
Nợ thuê tài chính dài hạn	63.686.239.797	71.960.273.583
Nợ dài hạn khác	-	17.899.543.721
	4.297.193.102.852	4.624.469.041.883
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 26(a))	(611.431.037.235)	(602.653.608.906)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.685.762.065.617	4.021.815.432.977

(i) Vay dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong khoản vay dài hạn bao gồm:

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm			31/12/2020
Giảm VND	Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
(11.107.934.897.391)	(221.874.185.471)	(1.677.895.278)	2.589.540.507.674
(490.139.669.480)	-	44.219.235	592.576.259.198
(29.536.374.443)	-	13.409.418	18.854.778.037
(11.627.610.941.314)	**(221.874.185.471)**	**(1.620.266.625)**	**3.200.971.544.909**

• 2.259.616 triệu VND (1/1/2020: 2.084.668 triệu VND) là khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 4.657.045 triệu VND (1/1/2020: 4.415.282 triệu VND) (các Thuyết minh 6, 7, 8, 12, 13, 17 và 19). Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 2% đến 10% (2019: từ 2,5% đến 10,5%).

• khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ 1.596.820 triệu VND (1/1/2020: 1.625.777 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 125.357 triệu VND (1/1/2020: 143.898 triệu VND);

- một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú; và

- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2019: khoản tương đương tiền của tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị 110.000 triệu VND).

• Các khoản vay từ cá nhân và ngân hàng dưới dạng tín chấp và chịu lãi suất năm từ 2,5% đến 10% (2019: từ 2,5% đến 10%).

27. Dự phòng phải trả

Biến động của các khoản dự phòng phải trả trong năm như sau:

	Chi phí di dời VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	24.665.668.570	5.421.180.821	30.086.849.391
Dự phòng trích lập trong năm	-	6.224.462.041	6.224.462.041
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(2.999.389.433)	(2.999.389.433)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(724.398.343)	(724.398.343)
Số dư cuối năm	24.665.668.570	7.921.855.086	32.587.523.656
Trong đó:			
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	5.634.013.216	5.634.013.216
Dự phòng phải trả dài hạn	24.665.668.570	2.287.841.870	26.953.510.440

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới. Do vướng mắc về thủ tục hành chính về đất đai nên việc di dời chưa được giải quyết.

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	160.849.916.612	151.092.984.303
Trích lập trong năm	71.873.524.326	87.663.704.494
Sử dụng trong năm	(45.707.957.941)	(75.016.870.085)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(739.769.928)	(2.889.902.100)
Số dư cuối năm	186.275.713.069	160.849.916.612

29. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND
Số dư tại ngày 1/1/2019 - đã điều chỉnh lại	5.000.000.000.000	30.361.932.352	42.248.630.739	(752.679.567.958)	526.746.543.959
Số dư tại ngày 1/1/2019 - đã báo cáo trước đây	*5.000.000.000.000*	*29.911.650.892*	*42.248.630.739*	*(740.362.454.896)*	*526.746.543.959*
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 48)	-	*450.281.460*	-	*(12.317.113.062)*	-
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm - đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm - đã báo cáo trước đây	-	-	-	-	-
Đã điều chỉnh lại (Thuyết minh 48)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	21.322.272.796
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(1.087.554.708)
Cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-	-	(6.365.250.000)	-	-
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	-
Mua thêm tỷ lệ lợi ích tại công ty con từ các cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	3.823.815.234	727.901.159	(3.371.305.295)
Số dư tại ngày 1/1/2020	5.000.000.000.000	30.361.932.352	39.707.195.973	(751.951.666.799)	543.609.956.752
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	42.475.461.423
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát ở các công ty con này	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu ở công ty con	-	-	2.600.000.000	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	5.000.000.000.000	30.361.932.352	42.307.195.973	(751.951.666.799)	586.085.418.175

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
662.646.196.041	550.677.792.232	1.899.300.912.234	7.959.302.439.599	30.381.025.002	7.989.683.464.601
657.194.845.550	*550.677.792.232*	*1.899.300.912.234*	*7.965.717.920.710*	*30.381.025.002*	*7.996.098.945.712*
5.451.350.491	-	-	*(6.415.481.111)*	-	*(6.415.481.111)*
-	-	23.107.250.000	23.107.250.000	-	23.107.250.000
519.521.527.686	-	197.604.937.178	717.126.464.864	-	717.126.464.864
518.732.727.686	-	*197.604.937.178*	*716.337.664.864*	-	*716.337.664.864*
788.800.000	-	-	*788.800.000*	-	*788.800.000*
(21.322.272.796)	-	-	-	-	-
(76.252.061.332)	-	(11.411.643.162)	(87.663.704.494)	-	(87.663.704.494)
-	-	(1.127.068.458)	(2.214.623.166)	(2.041.627.020)	(4.256.250.186)
(300.000.000.000)	-	(154.668.017.443)	(454.668.017.443)	-	(454.668.017.443)
-	-	(204.647.177.843)	(211.012.427.843)	-	(211.012.427.843)
3.958.575.150	-	(3.958.575.150)	-	-	-
(41.921.339.560)	-	(9.378.660.440)	(51.300.000.000)	-	(51.300.000.000)
(1.368.837.950)	-	13.194.008.435	13.005.581.583	-	13.005.581.583
745.261.787.239	550.677.792.232	1.748.015.965.351	7.905.682.963.100	28.339.397.982	7.934.022.361.082
-	-	37.397.156.000	37.397.156.000	-	37.397.156.000
327.655.808.809	-	232.885.381.919	560.541.190.728	-	560.541.190.728
(42.475.461.423)	-	-	-	-	-
(42.885.345.312)	-	(28.988.179.014)	(71.873.524.326)	-	(71.873.524.326)
-	-	-	-	(2.041.627.020)	(2.041.627.020)
(250.000.000.000)	-	(112.686.866.500)	(362.686.866.500)		(362.686.866.500)
-	-	(8.388.642.470)	(8.388.642.470)	-	(8.388.642.470)
(8.311.972.936)	-	8.311.972.936	-	-	-
(2.600.000.000)	-	-	-	-	-
(9.889.422.538)	(7.584.947.137)	(878.780.207)	(18.353.149.882)	-	(18.353.149.882)
716.755.393.839	543.092.845.095	1.875.668.008.015	8.042.319.126.650	26.297.770.962	8.068.616.897.612

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phản ánh theo giá gốc của khoản đầu tư thay vì giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

30. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	31/12/2020 và 1/1/2020		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
ITOCHU Textile Prominent (ASIA) Limited	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	87.561.900	875.619.000.000	17,51%
	500.000.000	**5.000.000.000.000**	**100%**

31. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 8 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm từ lợi nhuận năm 2019 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá) (2019: 300.000 triệu VND (tỷ lệ 6% trên mệnh giá)).

32. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

33. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	235.664.195.016	235.664.195.144
Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
Nguồn khác	-	7.584.947.009
	543.092.845.095	**550.677.792.232**

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định - Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường - Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	50.408.514.867	48.077.156.998
Trong vòng hai đến năm năm	127.795.265.687	135.652.138.384
Sau năm năm	207.418.936.366	219.537.525.087
	385.622.716.920	**403.266.820.469**

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.475.650	80.211.808.169	2.521.279	55.659.819.769
EUR	101.476	2.834.123.191	2.766	71.336.568
		83.045.931.360		**55.731.156.337**

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác	Không có khả năng thu hồi		12.673.783.224	12.673.783.224
			23.087.954.667	**23.087.954.667**

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	407.664.849.478	1.009.242.614.928
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	439.589.034.589	129.483.231.404
	847.253.884.067	**1.138.725.846.332**

35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
- Bán hàng	13.458.993.218.326	18.372.804.065.493
- Cung cấp dịch vụ và gia công	234.686.849.300	378.687.808.362
- Cho thuê lại đất thuê	11.548.723.518	33.276.475.474
- Bán và cho thuê bất động sản	233.502.729.095	237.912.376.299
	13.938.731.520.239	19.022.680.725.628
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	(14.263.614.855)	(14.455.680.956)
- Giảm giá hàng bán	(1.554.664.770)	(1.536.313.200)
- Hàng bán bị trả lại	(13.931.179.367)	(20.682.334.675)
	(29.749.458.992)	(36.674.328.831)
Doanh thu thuần	**13.908.982.061.247**	**18.986.006.396.797**

36. Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
- Thành phẩm và hàng hóa đã bán	12.299.942.884.449	17.115.426.604.406
- Dịch vụ đã cung ứng	192.595.956.384	187.439.445.294
- Cho thuê lại đất thuê	9.940.634.277	27.578.239.804
- Bán và cho thuê bất động sản	128.014.034.799	194.055.828.295
- (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.184.264.661)	(54.316.707.985)
	12.629.309.245.248	**17.470.183.409.814**

37. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	102.861.951.324	128.761.901.521
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	685.764.362	16.031.578.513
Cổ tức được chia	15.248.006.445	25.721.537.665
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	75.311.743.001	35.070.706.923
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.560.028.667	9.339.023.602
Lãi do thoái vốn đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh 5)	25.074.373.577	122.454.786.167
Lãi do thanh lý công ty liên kết	-	15.975.264.932
Thu nhập tiền lãi từ các khoản trả chậm	16.745.753.479	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.508.510.535	13.762.379.675
	253.996.131.390	**367.117.178.998**

38. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	332.065.048.311	517.331.839.298
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	6.398.267.991
Lỗ do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty liên kết	-	4.699.153.168
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	44.236.329.281	15.298.641.439
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.015.572.742	1.023.697.951
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	33.448.404.329	2.472.852.949
Chi phí tài chính khác	8.187.823.912	2.110.060.768
	421.953.178.575	**549.334.513.564**

39. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	49.674.678.961	86.546.319.271
Chi phí công cụ và dụng cụ	10.586.945.647	10.006.952.077
Chi phí khấu hao và phân bổ	10.230.572.403	7.363.396.862
Chi phí vận chuyển	133.890.103.922	148.989.720.208
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	5.140.234.603	5.026.109.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.321.415.460	130.478.835.167
Chi phí bao bì	15.916.993.208	28.447.190.682
Chi phí hoa hồng	33.590.672.535	32.778.774.280
Chi phí xuất nhập khẩu	12.618.730.501	24.963.314.659
Chi phí bán hàng khác	62.332.073.458	74.038.538.637
	438.302.420.698	**548.639.151.706**

40. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên văn phòng	330.823.723.963	375.213.683.102
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	14.275.253.570	26.237.013.156
Chi phí khấu hao và phân bổ	42.006.367.457	44.254.093.338
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	18.204.523.382	(41.601.779.517)
Thuế, phí và lệ phí	23.200.556.126	24.080.669.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.988.474.847	103.770.133.933
Tiền thuê đất	23.952.962.428	25.292.489.918
Công tác phí	10.118.540.970	20.454.476.370
Chi phí tiếp khách	11.618.068.307	14.590.353.443
Chi phí khác	107.829.672.411	165.829.490.358
	668.018.143.461	**758.120.623.626**

41. Thu nhập khác

	2020 VND	2019 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư	22.468.311.709	9.964.729.948
Thu nhập từ bảo hiểm cháy nổ	19.394.187.657	-
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	10.004.550.548	5.231.015.254
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	1.209.791.859	1.955.440.003
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	11.457.644.240
Hỗ trợ	-	16.747.519.047
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	29.519.326.200	12.000.000.000
Gốc vay được xóa	-	2.000.000.000
Thu từ các khoản khác	17.819.521.829	26.694.822.876
	100.415.689.802	**86.051.171.368**

42. Chi phí khác

	2020 VND	2019 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư	28.389.245.553	2.519.526.962
Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất thanh lý	13.033.921.623	-
Ghi giảm hàng tồn kho do cháy nổ	21.180.745.227	-
Ghi giảm tài sản cố định hữu hình do cháy nổ	5.634.609.893	-
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	1.642.621.752	6.459.792.693
Phạt vi phạm thuế	2.610.595.283	3.371.572.984
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	2.655.629.488	1.783.309.000
Chênh lệch chi phí đầu tư dự án lalop-Daklak sau khi chuyển nhượng	-	13.398.046.635
Tiền thuê đất nộp bổ sung	671.170.606	3.932.747.590
Chi các khoản khác	15.817.292.863	15.799.767.036
	91.635.832.288	**47.264.762.900**

43. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	6.836.468.522.897	8.937.563.551.407
Chi phí nhân viên	2.633.605.610.600	3.447.171.938.656
Chi phí khấu hao	810.991.058.426	836.391.575.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.837.728.510.879	2.551.242.776.762
Chi phí khác	750.010.842.422	2.295.531.281.171

44. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	33.145.066.422	38.316.257.818
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(3.085.840.714)	2.961.838.158
	30.059.225.708	41.278.095.976
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	2.794.626.677	7.884.634.231
Chi phí thuế thu nhập	32.853.852.385	49.162.730.207

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	593.395.043.113	766.289.195.071
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	118.679.008.623	153.257.839.014
Ưu đãi thuế	(3.726.674.607)	(5.863.256.617)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(2.902.313.165)	(13.364.126.410)
Chi phí không được khấu trừ thuế	17.303.547.417	12.621.404.957
Thu nhập không bị tính thuế	(118.893.597.478)	(145.275.689.437)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(4.723.690.068)	(2.142.454.501)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	30.203.412.377	46.967.175.043
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(3.085.840.714)	2.961.838.158
	32.853.852.385	**49.162.730.207**

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành áp dụng cho từng công ty.

45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền. Chi tiết như sau:

	2020	2019 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ (VND)	327.655.808.809	519.521.527.686
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(42.885.345.312)	(42.885.345.312)
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	284.770.463.497	476.636.182.374
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**570**	**953**

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên cơ sở của số đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận cho năm 2019.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng, chi tiết như sau:

	2020	2019 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	284.770.463.497	476.636.182.374
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tàng trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (số cổ phiếu) (Thuyết minh 33)	54.309.285	55.067.779
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm) (số cổ phiếu)	554.309.285	555.067.779
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (VND/cổ phiếu)	514	859

46. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex		
Cung cấp dịch vụ	786.103.200	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	580.959.692.221	439.018.645.809
Mua hàng hóa và dịch vụ	160.650.412.134	192.597.495.632
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.106.577.058	3.500.132.755
Mua hàng hóa và dịch vụ	52.912.273	12.265.000
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	489.199.068	746.847.551
Mua hàng hóa và dịch vụ	13.636.364	83.181.818
Tổng Công ty May 10 - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.467.730.046	1.468.075.720
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.667.327.956	16.068.316.373
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.284.025.940	3.845.377.833
Mua hàng hóa và dịch vụ	748.948.436	1.742.293.323
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	25.815.573	17.264.487.006
Mua hàng hóa và dịch vụ	58.548.972.192	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai		
Cung cấp dịch vụ	180.952	20.000.000
Mua hàng hóa	269.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Thu nhập tiền lãi	9.218.186.297	1.799.999.996
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.085.714	9.090.909
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	198.106.540.490

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	903.531.651
Mua hàng hóa và dịch vụ	746.203.519	1.760.317.871
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.177.664.328	1.116.619.321
Mua hàng hóa và dịch vụ	50.604.480.429	70.817.115.352
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định		
Khoản cho vay	6.833.439.740	7.400.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	-	10.200.000.000
Thu nhập lãi vay	348.049.059	546.662.760
Lãi do người mua chậm trả	137.291.666	150.000.000
Bán hàng hóa	3.227.710.989	1.167.240.409
Mua hàng hóa	30.994.249	-
Công ty Cổ phần May 1 Dệt Nam Định		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.512.978.428	5.951.681.440,0
Mua hàng hóa và dịch vụ	12.702.000	-
Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	451.519.536	91.907.845
Mua hàng hóa	78.314.662.576	83.166.271.692
Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	20.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	89.647.152.865	80.683.578.851
Công ty Cổ phần May Hưng Yên		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	100.000.000	239.971.624
Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định		
Doanh thu bán hàng hóa	734.236.650	-
Công ty Cổ phần May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.671.398.024	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.184.624.543	-
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu		
Hoàn trả gốc vay	-	1.470.042.156
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	-	5.000.000.000

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	21.624.632.202	131.239.848.464
Mua hàng hóa và dịch vụ	291.108.649.233	527.955.253.953
Lãi cho vay	4.294.311.916	6.782.068.375
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	207.928.040.320	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.244.224.776	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao đã trả	3.248.143.560	3.160.009.192
Cơ quan Tổng Giám đốc		
Lương và thù lao đã trả	4.319.417.535	3.845.892.767

47. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2020 VND	2019 VND
Vốn hóa chi phí chạy thử	-	7.871.127.972
Tăng tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	40.774.435.881
Gốc vay được xóa sổ	-	2.000.000.000
Thu hồi tài sản cho thuê do chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính đồng thời ghi giảm khoản phải thu khác từ cho thuê tài chính	188.826.112.183	-
Chuyển khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng thành khoản phải thu về cho vay	77.286.432.399	-

48. Thông tin so sánh

Như đã trình bày ở các Thuyết minh 7(b) và 24(a), ngày 7 tháng 4 năm 2020, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 1080/QĐ-BCT về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. Theo đó, giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp đã được phê duyệt. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định điều chỉnh hồi tố giá trị của khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp, các khoản đầu tư tài chính dài hạn và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn dựa theo kết quả xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt tại Quyết định 1080.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2020 (đã điều chỉnh lại) VND	1/1/2020 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu ngắn hạn khác	1.059.601.548.580	1.072.867.342.729
Đầu tư vào công ty liên kết	2.142.674.504.385	2.146.875.320.334
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	217.063.877.154	216.605.976.303
Phải trả ngắn hạn khác	456.063.772.448	467.445.800.584
Thặng dư vốn cổ phần	30.361.932.352	29.911.650.892
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(751.951.666.799)	(739.634.553.737)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	745.261.787.239	739.021.636.748

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2019 (đã điều chỉnh lại) VND	2019 (theo báo cáo trước đây) VND
Doanh thu hoạt động tài chính	367.117.178.998	366.328.378.998
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	727.502.786.603	726.713.986.603
Lợi nhuận kế toán trước thuế	766.289.195.071	765.500.395.071
Lợi nhuận sau thuế TNDN	717.126.464.864	716.337.664.864
Phân bổ cho: Cổ đông của công ty mẹ	519.521.527.686	518.732.727.686

Ngoại trừ các điều chỉnh nói trên, thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Nga	Nguyễn Ngọc Cách	Đặng Vũ Hùng
Chuyên viên Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

M.S.D.N: 0100100008 - C.T.C.P TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Vũ Hùng

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
Vietnam National Textile and Garment Group

Địa chỉ: Tòa nhà Leadvisors Place - 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (+84-24) 38257700. Fax: (+84-24) 38262269. Website: www.vinatex.com.vn